

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG.....
KHOA.....

BÁO CÁO THỰC TẬP

**ĐỀ TÀI: Báo cáo thực tập kế toán nguyên vật liệu tại
Công ty cổ phần và Xây dựng Thái Nguyên**



ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, chúng ta bắt đầu thực hiện chuyển nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường, mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau đều phải chịu tác động mạnh mẽ quy luật của kinh tế thị trường, đó là quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh và quy luật cung cầu. Do vậy việc sản xuất kinh doanh đòi hỏi phải tuân theo quy luật thị trường, làm ăn phải có hiệu quả, sử dụng đồng vốn phải mang lại lợi nhuận. Để làm được điều đó doanh nghiệp cần phải chú ý đến các loại chi phí. Trong sản xuất, chi phí nguyên vật liệu luôn chiếm một tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và giảm giá thành sản phẩm. Vì vậy tăng cường công tác quản lý sản xuất và tính giá thành sản phẩm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Các doanh nghiệp sản xuất muốn làm ăn đạt hiệu quả đều phải tìm mọi biện pháp để quản lý tốt công tác kế toán trong đó đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng vốn lưu động để từ đó giảm chi phí, tăng lợi nhuận, đồng thời đáp ứng đầy đủ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng.

Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên thuộc Công ty Xây lắp Điện Bắc Thái luôn xem việc hạch toán nguyên vật liệu là một vấn đề được coi trọng trong công tác kế toán. Cùng với các doanh nghiệp khác trong cả nước Công ty đã áp dụng chế độ kế toán mới đối với doanh nghiệp.

Sau đợt thực tập tại Công ty, xuất phát từ yêu cầu thực tế ở đơn vị sản xuất sản phẩm đầu ra đa dạng với số lượng lớn kéo theo các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất bao gồm nguyên vật liệu với nhiều chủng loại, số lượng mỗi loại lớn, giá trị cao. Tôi đã thấy được vai trò đặc biệt của kế toán nguyên

vật liệu của Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên. Vận dụng những kiến thức đã học tại trường kết hợp với thực tế nghiên cứu tại Công ty, tôi đã chọn đề tài: **"Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần và Xây dựng Thái Nguyên"**.

**** Mục đích nghiên cứu***

Qua thời gian thực tập có điều kiện nhằm hệ thống hoá lại những kiến thức đã học và so sánh giữa thực tế và lý luận để thấy được việc vận dụng lý luận vào thực tiễn sản xuất.

Trên cơ sở lý luận chung, tìm hiểu thực tế tình hình tổ chức kế toán nguyên vật liệu ở Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên.

Quá trình nghiên cứu, đánh giá về công tác kế toán nguyên vật liệu của Công ty, tìm ra những mặt mạnh mặt tồn tại từ đó có kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nguyên vật liệu ở Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên.

**** Phạm vi nghiên cứu***

Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên là một doanh nghiệp có qui mô hoạt động lớn, tần xuất nhập - xuất vật liệu nhiều, tuy nhiên thời gian tôi đi thực tập tại Công ty có hạn (26/02/2003 - 20/06/2003) cho nên thời gian nghiên cứu chỉ được thực hiện 4 tháng và phạm vi nghiên cứu đề tài chỉ chuyên sâu được về một vấn đề đó là "Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên".

**** Phương pháp nghiên cứu***

Tôi đã sử dụng những phương pháp sau:

- Phương pháp quan sát

- Phương pháp thu thập và phân tích số liệu thứ cấp.
- Phương pháp định khoản và xác định tài khoản.
- Phương pháp cân đối kế toán
- Phương pháp thống kê phân tích và so sánh

Ngoài phần mở đầu và kết luận luận văn của tôi được đưa làm 3 phần.

Phần I: Đặt vấn đề và lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất.

Phần II: Tình hình tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên.

Phần III: Kết luận và những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên.

Phần thứ I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC KẾ TOÁN NÓI CHUNG VÀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU NÓI RIÊNG

1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu, đặc điểm, phân loại

Trong những tài sản của doanh nghiệp, nguyên vật liệu là những tài sản lưu động phục vụ cho quá trình sản xuất, kinh doanh.

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động, một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, kinh doanh, là cơ sở vật chất để hình thành nên sản phẩm mới.

Trong quá trình sản xuất để tạo ra sản phẩm mới, nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất, chúng bị hao mòn toàn bộ và thay đổi về hình thái vật chất ban đầu để cấu thành thực thể của sản phẩm. Về mặt giá trị nguyên vật liệu chuyển dịch toàn bộ.

1.1.2. Đặc điểm của nguyên vật liệu

- Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất, kinh doanh nhất định và toàn bộ giá trị nguyên vật liệu được chuyển hết một lần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

- Việc tổ chức bến bãi, kho tàng phải được thực hiện tốt để độ bảo quản đối với từng loại vật liệu, tránh hư hỏng, mất mát, hao hụt. Đảm bảo những yêu cầu quản lý đối với nguyên vật liệu.

- Sử dụng nguyên vật liệu hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở xác định mức và dự toán chi phí.

- Trong khâu dự trữ đòi hỏi phải xác định được mức dự trữ tối đa và tối thiểu.

Xuất phát từ vai trò, đặc điểm của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh đòi hỏi phải quản lý chặt chẽ vật liệu sử dụng ở mọi khâu, từ khâu mua, bảo quản tới khâu sử dụng và dự trữ.

1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu

Vật liệu là một trong những tài sản lưu động của doanh nghiệp đồng thời là một yếu tố chi phí của doanh nghiệp. Do vậy yêu cầu quản lý chúng thể hiện ở một số điểm sau:

- Doanh nghiệp cần phải có đầy đủ thông tin tổng hợp vật liệu, cũng như từng thứ vật liệu kể cả chỉ tiêu hiện vật và giá trị về tình hình nhập, xuất, tồn kho.

- Từng kho, từng người bảo quản đảm bảo an toàn cho vật tư. Phát hiện ngăn ngừa những vi phạm làm thất thoát vật tư, tài sản.

- Cần phải quản lý vật liệu cho sản xuất kinh doanh theo từng đối tượng sử dụng như: từng loại sản phẩm, từng đơn vị, từng bộ phận sử dụng theo từng đối tượng tập hợp chi phí để phục vụ cho tính giá thành sản phẩm, dịch vụ.

- Ngoài ra, doanh nghiệp có thể quản lý định mức dự trữ tránh tình trạng ứ đọng hoặc khan hiếm vật tư, ảnh hưởng đến tình hình tài chính hoặc tiến độ sản xuất kinh doanh.

1.1.4. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu

1.1.4.1. Phân loại nguyên vật liệu

Để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp phải sử dụng nhiều loại nguyên vật liệu khác nhau. Chúng có vai trò công dụng, tính

chất lý hoá rất khác nhau và biến động liên tục hàng ngày trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

Để tổ chức tốt công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguyên vật liệu trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh cần phải phân loại nguyên vật liệu.

Căn cứ vào nội dung kinh tế, vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh, vào yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Vật liệu được chia thành các loại sau:

- Nguyên vật liệu chính: Là loại vật liệu khi sử dụng vào quá trình sản xuất thì nó tham gia cấu thành nên thực thể vật chất của sản phẩm. Trong các doanh nghiệp khác nhau thì nguyên vật liệu chính cũng khác nhau. Nguyên vật liệu chính dùng vào sản xuất hình thành nên chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

- Nguyên vật liệu phụ: Là loại khi tham gia vào quá trình sản xuất thì nó kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng để góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, mẫu mã thêm phong phú...

- Nhiên liệu: Là những thứ tạo ra nhiệt năng như: than đá, củi, xăng, dầu... Nó được sử dụng phục vụ cho công nghệ sản xuất sản phẩm, cho phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị hoạt động trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Bao bì đóng gói: Là những thứ vật liệu dùng để đóng gói những sản phẩm đã làm ra.

- Phụ tùng thay thế: Là phụ tùng thay thế một số bộ phận của dụng cụ, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải và tài sản cố định.

- Thiết bị xây dựng cơ bản: Là thiết bị dùng để đầu tư cho xây dựng cơ bản, bao gồm các loại thiết bị cần lắp và thiết bị không cần lắp, công cụ, khí cụ.

- Phế liệu: Là những thứ loại ra trong quá trình sản xuất. Có thể sử dụng lại hoặc bán ra ngoài. Phế liệu còn có thể thu hồi được khi thanh lý tài sản cố định hay công cụ dụng cụ khi có sản phẩm hỏng không thể thay thế được.

Trên thực tế việc sắp xếp nguyên liệu, vật liệu theo từng loại như đã nói ở trên, ta căn cứ vào công dụng chủ yếu của nguyên liệu, vật liệu ở từng đơn vị cụ thể, có những nguyên liệu, vật liệu ở đơn vị này là nguyên vật liệu chính, nhưng ở đơn vị khác lại là nguyên vật liệu phụ...

Để phục vụ tốt hơn yêu cầu quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu. Doanh nghiệp có thể thực hiện trên cơ sở xây dựng "Sổ danh điểm nguyên vật liệu" trong đó nguyên vật liệu được xem xét, đánh giá cụ thể và đầy đủ số hiện có, tình hình biến động. Nguyên vật liệu được chia một cách chi tiết hơn theo tính năng lý, hoá học, theo quy cách, phẩm chất của nguyên vật liệu. Mỗi thứ vật liệu được ký mã, hiệu rõ. Việc phân loại dựa vào sổ này giúp cho kế toán có cái nhìn tổng quát và có hệ thống tổ chức các tài khoản cấp I, II một cách đơn giản và tiện theo dõi tình hình biến động của các loại vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.4.2. Đánh giá nguyên liệu, vật liệu

Đánh giá nguyên vật liệu là phân tích mức độ đầu tư và cơ cấu của nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm bằng sử dụng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của nó theo những nguyên tắc nhất định.

Về nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu: Phải được đánh giá theo giá thực tế (bao gồm giá mua và chi phí thu mua, vận chuyển).

- Đối với cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế, giá trị nguyên vật liệu mua vào là giá thực tế không có thuế giá trị gia tăng đầu vào.

- Đối với cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng và cơ sở kinh doanh không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, giá trị nguyên vật liệu mua vào là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế giá trị gia tăng đầu vào).

Do nguyên vật liệu có nhiều loại, nhiều thứ, thường xuyên tăng giảm trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh và yêu cầu của công tác kế toán nguyên vật liệu phải phản ánh và cung cấp thông tin kịp thời tình hình biến động và số hiện có về nguyên vật liệu, do vậy trong thực tế, hạch toán nguyên vật liệu còn có thể được đánh giá theo giá hạch toán (giá kế hoạch hoặc một giá ổn định trong kỳ hạch toán). Trong trường hợp này vào cuối kỳ hạch toán, kế toán tính giá thực tế của số nguyên vật liệu đã xuất theo trong kỳ trên cơ sở hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của nguyên vật liệu. Còn giá hạch toán của nguyên vật liệu được sử dụng để hạch toán chi tiết hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu và để đánh giá thực tế của nguyên vật liệu xuất dùng trong tháng và tồn kho cuối tháng.

Cuối tháng tính giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho và tồn kho cuối tháng được thực hiện như sau:

* Tổng hợp giá trị thực tế và giá hạch toán của nguyên vật liệu tồn kho đầu tháng và nhập kho trong tháng.

* Tính hệ số chênh lệch giá thực tế vào giá hạch toán của nguyên vật liệu theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Hệ số chênh lệch} \\ \text{giữa giá thực tế} \\ \text{với giá kế hoạch} \end{array} \quad \begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{NVL tồn kho đầu} \\ \text{tháng} \end{array} \quad + \quad \begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{NVL nhập kho} \\ \text{trong tháng} \end{array}$$

$$= \frac{\text{Giá KH của NVL tồn kho đầu tháng} + \text{Giá kế hoạch của NVL nhập kho trong tháng}}{\text{Giá thực tế của NVL xuất kho trong tháng}}$$

Hệ số chênh lệch giá thực tế với giá hạch toán của nguyên vật liệu có thể tính cho từng loại, hoặc từng nhóm tùy theo yêu cầu quản lý và cung cấp thông tin của đơn vị.

* Tổng hợp giá trị hạch toán của nguyên vật liệu xuất kho trong tháng để tính giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho trong tháng.

$$\text{Giá thực tế của NVL xuất kho trong tháng} = \text{Giá hạch toán của NVL xuất kho trong tháng} \times \text{Hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và hạch toán}$$

Việc tính giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho trong tháng được thực hiện trên bảng kê tính giá thực tế của nguyên vật liệu.

1.2. HẠCH TOÁN CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Trong doanh nghiệp, công việc quản lý nguyên vật liệu do nhiều đơn vị, bộ phận tham gia, nhưng việc quản lý tình hình nhập, xuất và tồn kho nguyên vật liệu chủ yếu do bộ phận kho và phòng kế toán (bộ phận kế toán nguyên vật liệu) của doanh nghiệp thực hiện. Việc hạch toán theo dõi chi tiết nguyên vật liệu được thực hiện ở Phòng kế toán phối hợp với quản lý kho. Thông thường công việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu có thể được thực hiện theo các phương pháp sau:

1.2.1. Phương pháp ghi thẻ song song

- Nguyên tắc hạch toán

Ở kho ghi chép xuất, nhập kho về mặt số lượng. Ở phòng kế toán chỉ chép cả về số lượng và giá trị của từng loại, từng thứ nguyên liệu, vật liệu.

- Trình tự ghi chép tại kho

Hàng ngày thủ kho căn cứ vào chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu ghi số lượng nguyên vật liệu thực nhập, thực xuất vào thẻ (sổ) kho có liên quan. Thẻ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn trên thẻ kho với số tồn nguyên vật liệu thực tế còn ở kho. Hàng ngày hoặc định kỳ 3 - 5 ngày một lần, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho về phòng kế toán.

- Trình tự ghi chép tại phòng kế toán

Phòng kế toán mở sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu cho từng danh điểm vật liệu tương ứng với thẻ kho của từng kho để theo dõi về mặt số lượng và mặt giá trị.

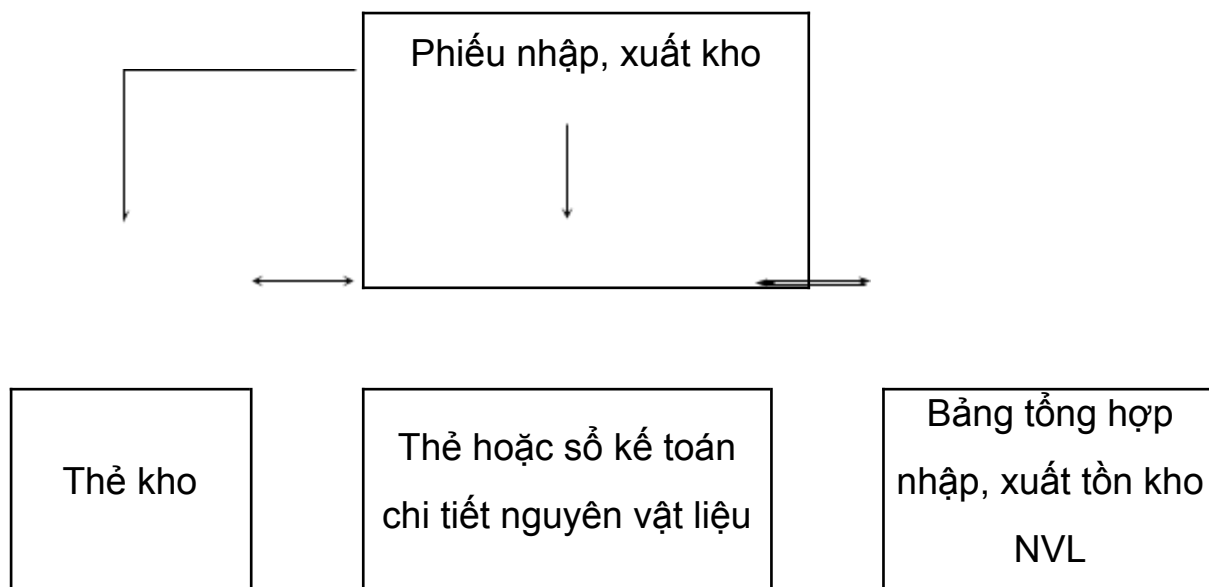
Hàng ngày hoặc định kỳ 3 - 5 ngày một lần, khi nhận được toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho của thủ kho chuyển đến, kế toán nguyên vật liệu phải kiểm tra từng chứng từ, ghi đơn giá và tính thành tiền, sau đó ghi thẻ (sổ) chi tiết nguyên vật liệu có liên quan. Cuối tháng kế toán cộng thẻ hoặc sổ tính ra tổng số nhập, tổng số xuất và tồn của từng thứ nguyên vật liệu rồi đối chiếu với thẻ kho của thủ kho, lập báo cáo tổng hợp nhập, báo cáo tổng hợp xuất và tồn kho về mặt giá trị để đối chiếu với bộ phận kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

- Ưu nhược điểm:

+ Phương pháp thẻ song song có ưu điểm là đơn giản, dễ đối chiếu, kiểm tra.

+ Nhưng có nhược điểm chủ yếu là ghi chép trùng lặp, khối lượng ghi chép lớn.

Sơ đồ kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày hoặc định kỳ 3 - 5 ngày

↔ Ghi cuối tháng

↔↔ Đối chiếu, kiểm tra

1.2.2. Phương pháp sổ sổ dư

- Nguyên tắc hạch toán:

Ở kho theo dõi số lượng từng thứ nguyên vật liệu. Ở phòng kế toán chỉ theo dõi giá trị từng nhóm nguyên vật liệu.

- Trình tự ghi chép ở kho: Hàng ngày hoặc định kỳ 3 - 5 ngày sau khi ghi thẻ kho xong, thủ kho tập hợp toàn bộ các chứng từ nhập, xuất kho phát sinh trong ngày, trong kỳ và phân loại từng nhóm nguyên vật liệu theo quy định, căn cứ vào kết quả phân loại chứng từ, lập phiếu giao nhận chứng từ trong đó ghi số lượng, số hiệu chứng từ của nhóm nguyên vật liệu, sau khi lập xong giao cho kế toán kèm theo phiếu nhập, xuất. Cuối tháng thủ kho căn cứ vào thẻ kho đã được kế toán kiểm tra ghi số lượng nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ của từng danh điểm nguyên vật liệu vào sổ sổ dư. Sổ sổ dư do kế toán mở cho từng kho, dùng cho phòng kế toán kiểm tra và tính giá trị.

- Trình tự ghi chép ở phòng kế toán.

Khi nhận được chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu ở kho, kế toán kiểm tra chứng từ và đối chiếu với các chứng từ khác có liên quan, kiểm tra việc phân loại chứng từ của thẻ kho, ghi giá hạch toán và tính thành tiền cho từng chứng từ. Tổng cộng số tiền của các chứng từ nhập, xuất theo từng nhóm vật tư và ghi vào cột giá trị trên phiếu giao nhận chứng từ ghi số tiền vào bảng lũy kế nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu.

Bảng luỹ kế nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu mở cho từng kho, cơ sở để ghi vào bảng luỹ kế ở phần nhập và các phiếu giao nhận chứng từ, luỹ kế ở phần xuất là các phiếu giao nhận chứng từ xuất.

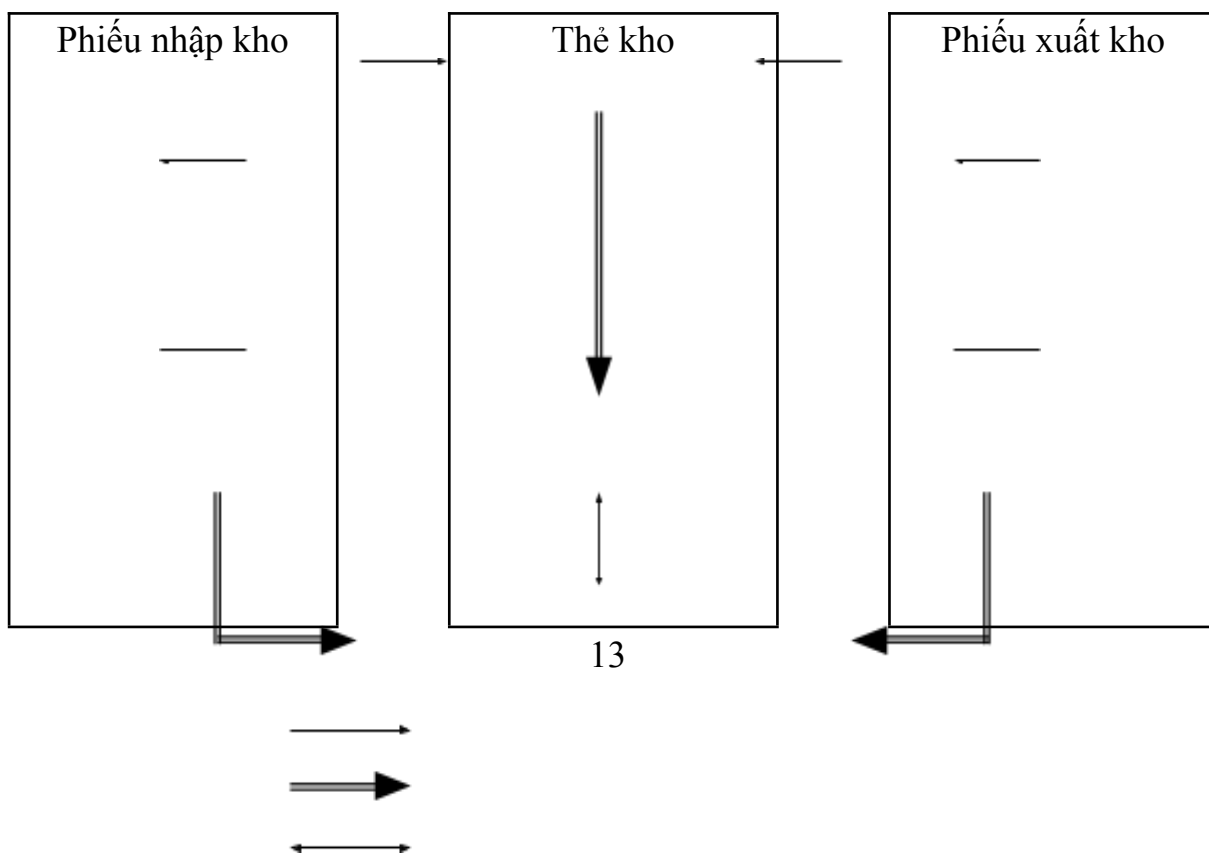
Cuối tháng tính ra số tồn kho tiền trên bảng lũy kế nhập, xuất, tồn kho. Số liệu tồn kho cuối tháng của từng nhóm nguyên vật liệu trên bảng lũy kế dùng chỉ để đối chiếu với sổ số dư và đối chiếu với kế toán tổng hợp theo từng nhóm nguyên vật liệu.

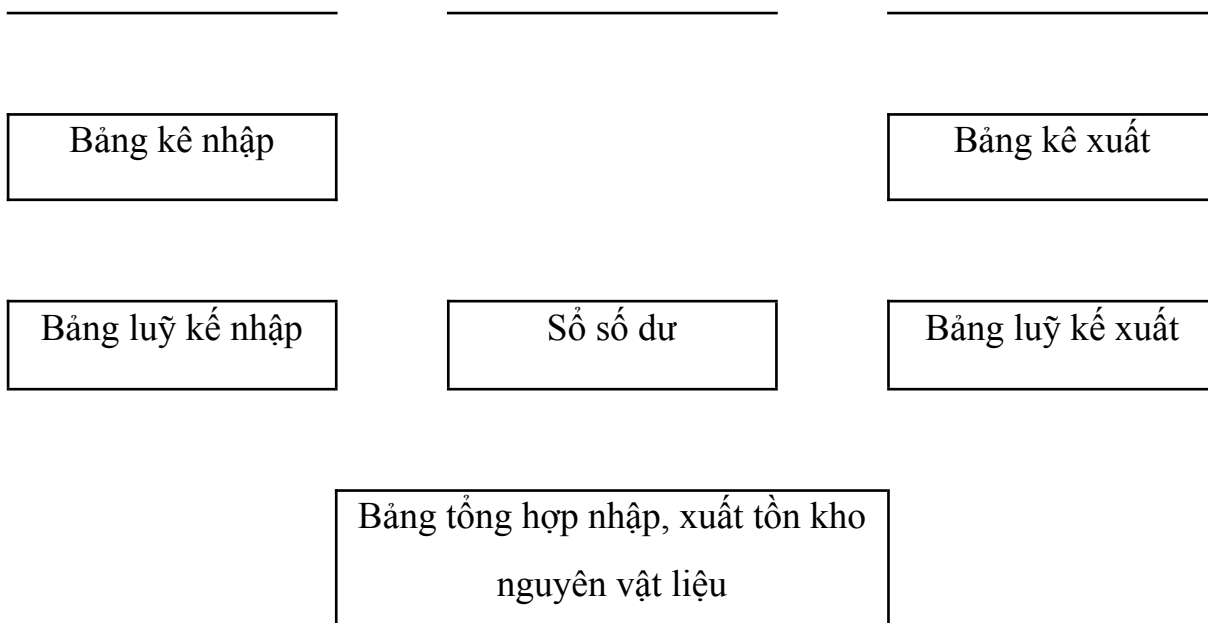
- Ưu nhược điểm

+ Phương pháp này có ưu điểm là giảm được khối lượng công việc ghi chép hàng ngày.

+ Nhược điểm lại là: Nếu có sai sót thì việc kiểm tra là rất khó.

Sơ đồ kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ sổ dư





Ghi chú:

Ghi hàng ngày hoặc ghi định kỳ 3 - 5 ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

1.2.3. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- Trình tự ghi chép ở kho:

+ Phương pháp này ở kho vẫn mở thẻ kho hoặc sổ chi tiết để theo dõi số lượng từng danh điểm nguyên vật liệu.

- Trình tự ghi chép ở phòng kế toán

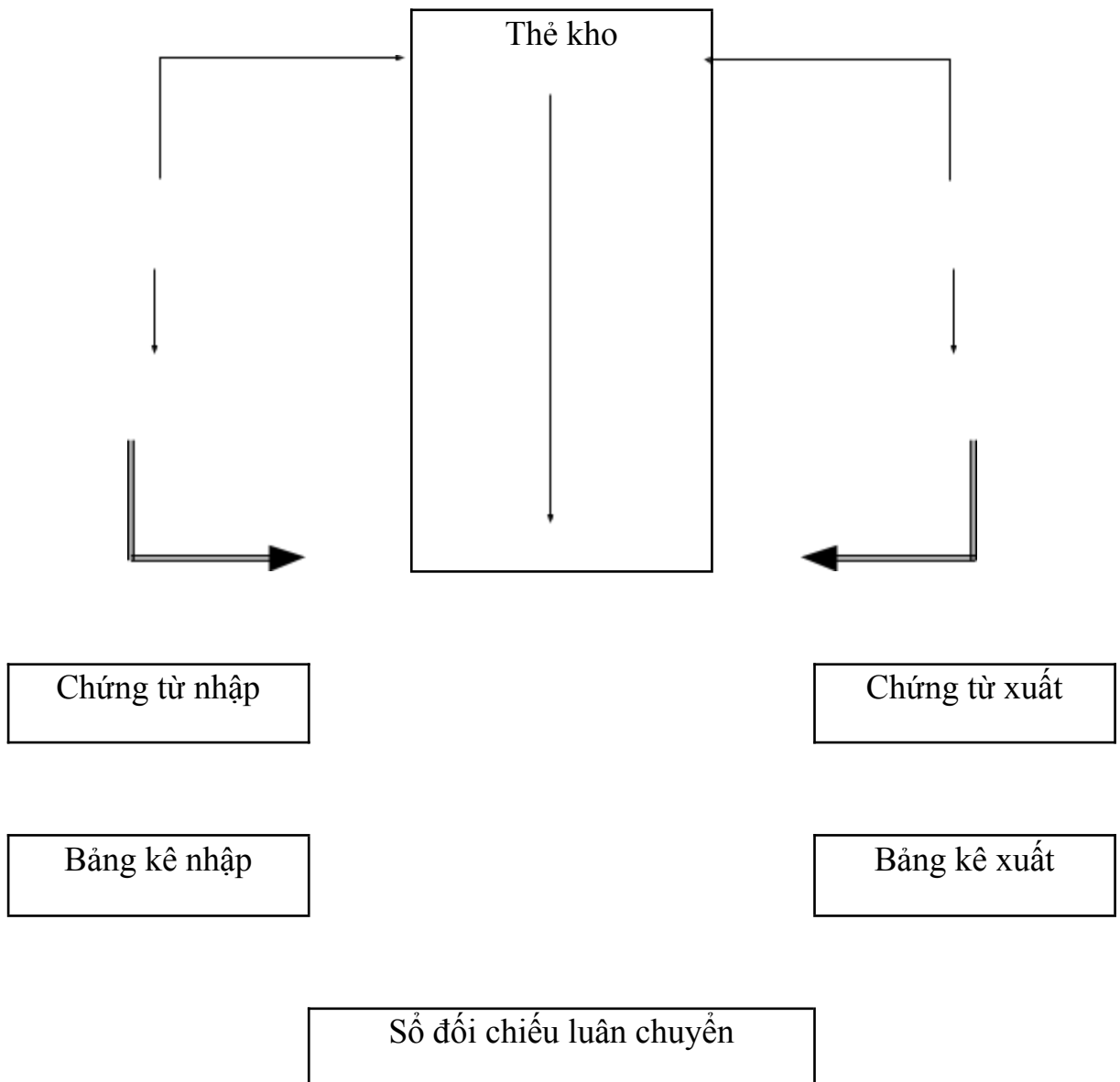
Ở phòng kế toán mở "Sổ đối chiếu luân chuyển" để hạch toán số lượng và số tiền theo từng kho, từng thứ nguyên vật liệu. Sổ đối chiếu luân chuyển chỉ ghi một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp các chứng từ nhập, xuất kho phát sinh trong tháng của nguyên vật liệu, mỗi thứ ghi vào một dòng cuối.

Cuối tháng đối chiếu số lượng nguyên vật liệu trên sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số tiền của từng loại nguyên vật liệu trên sổ đối chiếu với sổ kế toán tổng hợp.

- Ưu nhược điểm

- + Phương pháp này dễ làm, đơn giản.
- + Nhược điểm là trùng lặp về mặt số lượng và công việc dồn về cuối tháng do vậy số lượng cung cấp chưa kịp thời.

Sơ đồ kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày hoặc ghi định kỳ
- Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

1.3. HẠCH TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU

1.3.1. Tài khoản sử dụng, nội dung và kết cấu

Đề hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu kế toán sử dụng tài khoản 152. Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của các loại nguyên liệu, vật liệu của đơn vị.

1.3.1.1. Nguyên tắc hạch toán TK 152

Kế toán nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu phải phản ánh theo giá thực tế (giá gốc), được xác định tùy theo từng người lập.

- Đối với cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế giá trị nguyên liệu, vật liệu thu vào là giá thực tế không có thuế giá trị gia tăng đầu vào.

- Đối với cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng và cơ sở kinh doanh không thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng, giá trị nguyên vật liệu mua vào là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế giá trị gia tăng đầu vào).

- + Giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tự chế biến bao gồm giá thực tế nguyên liệu, vật liệu xuất chế biến và chi phí chế biến.

- + Giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập góp vốn liên doanh, cổ phần là giá thực tế được các bên tham gia góp vốn thống nhất định giá.

- + Giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến bao gồm giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất ra để chế biến, chi phí vận chuyển đến nơi chế biến và từ nơi chế biến về đơn vị, tiền thuê ngoài gia công chế biến (theo hợp đồng).

- Để định giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho, có thể áp dụng một trong các phương pháp sau đây:

- + Tính theo giá thực tế bình quân gia quyền.

- + Tính theo giá thực tế định danh
- + Tính theo giá thực tế nhập trước, xuất trước.
- + Tính theo giá thực tế nhập sau, xuất trước.

Nếu doanh nghiệp đã lựa chọn phương pháp tính giá nào thì phải đảm bảo tính nhất quán trong công tác kế toán của phương pháp đó.

Trong trường hợp kế toán nguyên liệu, vật liệu theo giá hạch toán (giá kế hoạch hoặc giá ổn định trong kỳ kế toán) thì cuối kỳ kế toán tính giá thực tế của số nguyên liệu, vật liệu đã xuất kho trong kỳ trên cơ sở hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của nguyên liệu, vật liệu theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế nguyên} \\ \text{vật liệu xuất kho} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá hạch toán của} \\ \text{nguyên vật liệu xuất} \\ \text{kho trong kỳ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số chênh lệch} \\ \text{giữa giá thực tế} \\ \text{với giá hạch toán} \end{array}$$

Hay: $Z_{TT} = Z_{KH} \times H_Z$

Z_{TT} : Giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho trong kỳ.

Z_{KH} : Giá hạch toán

H_Z : Hệ số chênh lệch giữa Z_{TT} và Z_{KH}

Trong đó:

$$H_Z = \frac{Z_{TT_0} + Z_{TT_1}}{Z_{KH_0} + Z_{KH_1}}$$

Z_{TT_0} : Giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ

Z_{TT_1} : Giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho trong kỳ

Z_{KH_0} : Giá hạch toán nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ

Z_{KH_1} : Giá hạch toán nguyên vật liệu nhập kho trong kỳ.

Kế toán chi tiết về nguyên liệu, vật liệu là phải xem xét, phải thực hiện đối với từng kho, từng loại, từng nhóm, thứ nguyên liệu, vật liệu của doanh nghiệp có.

- Trường hợp doanh nghiệp sử dụng phương pháp kế toán kiểm kê định kỳ hàng tồn kho thì cuối tháng phải xác định số lượng và giá trị nguyên vật liệu xuất dùng trong kỳ vào chi phí sản xuất kinh doanh.

1.3.1.2. Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 152 - nguyên vật liệu

152

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế biến hoặc thuê ngoài gia công và nhận vốn góp liên doanh.	- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho để sản xuất, chế biến, thuê ngoài gia công, chế biến hoặc góp vốn liên doanh, hoặc đem cổ phần.
- Giá trị nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.	- Chiết xuất hàng mua được hưởng.
- Giá trị phế liệu khi thu hồi	- Giá trị nguyên liệu, vật liệu thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê.
- Kết chuyển giá trị nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ. (Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)	- Kết chuyển giá trị nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

1.3.2. Phương pháp hạch toán nguyên liệu, vật liệu

1.3.2.1. Hạch toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu

* Hạch toán nhập kho nguyên liệu, vai trò từ nguồn mua ngoài.

+ Khi mua nguyên liệu, vật liệu dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 152: Nguyên vật liệu

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111, 112, 331: (Tổng giá thanh toán)

+ Khi mua nguyên liệu, vật liệu dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, kế toán ghi:

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 111, 112, 331: (Tổng giá gồm cả thuế GTGT đầu vào)

+ Khi nhập khẩu nguyên liệu, vật liệu thì kế toán ghi:

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 3333: Thuế xuất nhập khẩu

Có TK 111, 112, 331:

Đối với thuế GTGT hàng nhập khẩu

- Nếu hàng nhập khẩu dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT hoặc nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc dùng vào hoạt động sự nghiệp, dự án... được trang trải bằng nguồn kinh phí khác thì thuế GTGT phải nộp của hàng nhập khẩu được tính vào giá trị mua hàng vào, ghi:

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

+ Đối với nguyên vật liệu mua về dùng đồng thời cho cả sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT nhưng không thể tách riêng được, ghi:

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 133: Thuế GTGT chịu khấu trừ

Có TK 111, 112, 331:

Cuối kỳ kế toán tính và xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, không được khấu trừ trên cơ sở phân bổ theo tỷ lệ doanh thu. Số thuế đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ % giữa doanh thu chịu thuế thu với tổng doanh thu trong kỳ, ghi:

- Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong kỳ

Nợ TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

Có TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

- Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ trong kỳ.

* Trường hợp số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ tính vào giá vốn của hàng hoá ở trong kỳ kế toán sau, ghi:

Nợ TK 142: Chi phí trả trước

Có TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Khi tính số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán sau, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 142: Chi phí trả trước

+ Mua nguyên vật liệu dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT (ở cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGt theo phương pháp khấu trừ thuế), kế toán ghi:

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 111, 112, 331, 151: (Tổng giá thanh toán)

+ Mua nguyên liệu, vật liệu dùng vào hoạt động sự nghiệp, dự án, hoạt động văn hoá, phúc lợi được trang trải bằng các nguồn kinh phí khác (ở cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ), kế toán ghi:

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 111, 112, 331...: (Tổng giá, gồm cả thuế GTGT đầu vào)

* Trường hợp nguyên vật liệu mua vào được dùng hoá đơn, chứng từ đặc thù ghi giá thanh toán là giá đã có thuế GTGT, kế toán căn cứ vào giá nlv' mua vào đã có thuế GTGT để xác định giá không có thuế, ghi:

Nợ TK 152: Nguyên vật liệu

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111, 112, 331:

* Trường hợp cơ sở sản xuất, chế biến mua nguyên liệu là nông sản, thủy sản chưa qua chế biến của người trực tiếp bán ra không có hoá đơn, kế toán căn cứ vào bảng kê thu mua hàng hoá nông sản, lâm sản, thủy sản tính ra số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111, 112, 331:

+ Đối với nguyên vật liệu thu mua trong tháng nhưng chưa về nhập kho doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 151: Hàng đang đi trên đường

Có TK 111, 112, 331:

Trường hợp mua nguyên vật liệu dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế hoặc nguyên liệu, vật liệu mua về dùng đồng thời cho sản xuất kinh doanh, hàng hoá dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT nhưng cũng tách riêng được, ghi:

Nợ TK 151: Hàng đang đi trên đường

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111, 112, 331:

Trường hợp mua nguyên vật liệu dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT (cơ sở nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ), kế toán ghi:

Nợ TK 151: Hàng đang đi trên đường (Giá có thuế GTGT)

Có TK 111, 112, 331:

+ Đối với số nguyên liệu, vật liệu được thu mua tháng trước, nhập kho tháng này, khi nhận được biên bản kiểm nghiệm vật tư (nếu có) và phiếu nhập vật tư phản ánh số nguyên liệu, vật liệu đã thu mua tháng trước về nhập kho doanh nghiệp tháng này, kế toán ghi:

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 151: Hàng đang đi trên đường

+ Đối với chi phí thu mua nguyên liệu, vật liệu căn cứ vào hoá đơn, biên lai, cước phí vận chuyển..., kế toán phản ánh số chi phí vận chuyển, bốc dỡ nguyên liệu, vật liệu mà doanh nghiệp phải thanh toán cho đơn vị vận tải, ghi:

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 111, 112, 331, 141:

+ Giá trị nguyên liệu, vật liệu nhận vốn góp liên doanh phải được Hội đồng liên doanh thống nhất đánh giá xác định là vốn góp, khi nhận định vốn góp liên doanh là nguyên vật liệu, ghi:

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 411: Nguồn vốn liên doanh

* Hạch toán tổng hợp nhập kho nguyên vật liệu từ nguồn thuê ngoài gia công:

Để phản ánh hoạt động thuê ngoài gia công, chế biến vật tư, kế toán sử dụng tài khoản 154 "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" hoặc tài khoản 631 "Giá thành sản xuất"

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

- Cuối tháng, tính được giá thực tế nguyên vật liệu tự chế biến nhập kho trong tháng, kế toán điều chỉnh số liệu đã ghi cho phù hợp với giá thực tế vật tư chế biến hoàn thành nhập kho trong tháng, bằng cách ghi số chênh lệch giữa giá trị thực tế với giá trị kế hoạch, nếu giá thực tế lớn hơn giá kế hoạch thì số chênh lệch ghi:

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Nếu giá thực tế nhỏ hơn giá kế hoạch thì số chênh lệch ghi bằng bút toán đảo.

1.3.2.2. Hạch toán tổng hợp xuất nguyên vật liệu

Để phản ánh kịp thời tính toán và phân bổ chính xác giá thực tế của nguyên vật liệu xuất dùng, kế toán tổng hợp phải được tiến hành trên cơ sở chứng từ xuất nguyên vật liệu như: phiếu xuất kho, phiếu xuất vật tư theo hạn mức, hoá đơn theo phiếu xuất kho... Căn cứ vào các chứng từ đó, kế toán tiến hành phân loại chứng từ kế toán xuất nguyên vật liệu theo từng loại, từng nhóm, theo từng số lượng sử dụng, tính ra giá thực tế của nguyên vật liệu xuất dùng cho từng đối tượng sử dụng. Tùy theo yêu cầu của công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu mà việc tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất dùng có thể được tiến hành theo các phương pháp sau đây:

* Phương pháp tính giá thực tế bình quân gia quyền của số nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ và nguyên vật liệu nhập kho trong kỳ

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế} \\ \text{bình quân một} \\ \text{đơn vị nguyên} \\ \text{liệu, vật liệu} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá của nguyên} \\ \text{liệu, vật liệu tồn kho} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế của} \\ \text{nguyên vật liệu} \\ \text{nhập kho trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng NVL tồn} \\ \text{kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng NVL nhập} \\ \text{kho trong kỳ} \end{array}}$$

Sau khi tính giá trị thực tế bình quân một đơn vị nguyên vật liệu ta tiến hành tính giá vốn thực tế (vật tư) hoặc trị giá mua thực tế (hàng hoá) của hàng xuất kho như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn (mua)} \\ \text{thực tế hàng xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{hàng xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế bình} \\ \text{quân một đơn vị NVL} \end{array}$$

* Phương pháp giá thực tế nhập trước xuất trước

Theo phương pháp này, giả thiết số hàng nào nhập kho trước thì xuất kho trước và lấy trị giá vốn (mua) thực tế của số hàng đó để tính. Công thức tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực} \\ \text{tế của NVL} \\ \text{xuất dùng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế của NVL} \\ \text{nhập kho theo từng lần} \\ \text{nhập kho trước} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng NVL xuất} \\ \text{dùng trong kỳ theo} \\ \text{từng lần nhập kho} \end{array}$$

* Phương pháp giá thực tế nhập sau xuất trước

Theo phương pháp này, giả thiết số hàng nào nhập kho sau thì xuất kho trước. Hàng xuất thuộc lô hàng nào thì lấy đơn giá mua thực tế của lô hàng đó để tính công thức như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực} \\ \text{tế của NVL} \\ \text{xuất dùng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế của NVL} \\ \text{nhập kho theo từng lần} \\ \text{nhập kho sau} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng NVL xuất} \\ \text{dùng trong kỳ theo} \\ \text{từng lần nhập kho} \end{array}$$

* Phương pháp tính theo giá thực tế đích danh

Trong trường hợp có thể nhận diện được từng thuế, nhóm hoặc loại nguyên liệu, vật liệu với từng lần nhập kho và giá thực tế của nó để có thể định giá nguyên liệu, vật liệu theo giá thực tế đích danh.

Nếu trong công thức hạch toán nguyên liệu, vật liệu ở doanh nghiệp, nguyên vật liệu được đánh giá theo hai loại giá: Giá thực tế trong hạch toán

tổng hợp và giá hạch toán để hạch toán chi tiết nhập, xuất kho nguyên liệu, vật liệu hàng ngày cũng như để tính giá thực tế nguyên liệu, vật liệu xuất kho trong tháng thì việc đánh giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất cùng trong kỳ được áp dụng phương pháp tính như đã trình bày ở phần đánh giá nguyên vật liệu.

- Sau khi đã tính được trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất dùng cho từng đối tượng sử dụng, kế toán ghi:

Nợ TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Nợ TK 624: Chi phí sản xuất chung

Nợ TK 641: Chi phí bán hàng

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

+ Trường hợp doanh nghiệp góp vốn liên doanh với các đơn vị khác kế toán căn cứ vào phiếu xuất vật tư, biên bản hợp đồng liên doanh và giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu đã tính được để hạch toán.

- Nếu giá trị nguyên liệu, vật liệu ghi trên sổ kế toán nhỏ hơn giá trị nguyên liệu, vật liệu được đánh giá lại xác định là vốn góp, ghi:

Nợ TK 222: Góp vốn liên doanh

Có TK 412: Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Có TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

- Nếu giá trị nguyên liệu, vật liệu ghi trên sổ kế toán lớn hơn giá trị nguyên liệu, vật liệu đánh giá lại xác định là vốn góp, ghi:

Nợ TK 222: Góp vốn liên doanh

Nợ TK 412: Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Có TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

+ Trường hợp nguyên liệu, vật liệu mua về theo quy cách, kém phẩm chất, doanh nghiệp cần thông báo ngay cho đơn vị bán để đơn vị bán nhận lại số nguyên liệu, vật liệu hoặc giảm giá số nguyên liệu, vật liệu kém phẩm chất, giảm giá số nguyên liệu, vật liệu sai quy cách. Trong trường hợp này, ghi:

Nợ TK 331: Phải trả người bán

Có TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

+ Trường hợp nguyên vật liệu mua về bị thiếu, căn cứ vào biên bản ghi:

Nợ TK 1381: Tài sản thiếu chờ xử lý

Có TK 331: Phải trả người bán

+ Trường hợp nguyên liệu, vật liệu mua về thừa, căn cứ vào biên bản chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 3381: Tài sản thừa chờ giải quyết

+ Trường hợp nguyên liệu, vật liệu thừa, thiếu khi kiểm kê, thực sự có sự chênh lệch giữa số thực tế hiện có với số liệu trên sổ kế toán:

- Nếu nguyên liệu, vật liệu thiếu khi kiểm kê, ghi:

Nợ TK 138: Phải thu khác

Có TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

- Nếu nguyên liệu, vật liệu thừa khi kiểm kê, ghi:

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 338: Phải trả, phải nộp khác

- Khi có quyết định xử lý về nguyên vật liệu thiếu, ghi:

Nợ TK 111, 334, 331, 621, 627....:

Có TK 138: Phải thu khác (1381)

- Số nguyên liệu, vật liệu xuất dùng mà sử dụng không hết cuối tháng nhập lại kho, ghi:

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

+ Trường hợp nguyên vật liệu được di chuyển nội bộ giữa đơn vị chính với các đơn vị phụ thuộc:

- Ở đơn vị nhận khi tăng nguyên vật liệu, ghi:

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 336: Phải trả nội bộ

- Ở đơn vị giao khi giảm nguyên vật liệu, vật liệu, ghi:

Nợ TK 136: Phải thu nội bộ

Có TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

+ Khi có quyết định chính thức của Nhà nước về đánh giá lại vật tư hàng hoá, tài sản cố định.

- Nếu giá trị nguyên liệu, vật liệu được đánh giá lại lớn hơn giá trị đã ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch, ghi:

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 412: Chênh lệch đánh giá lại tài sản

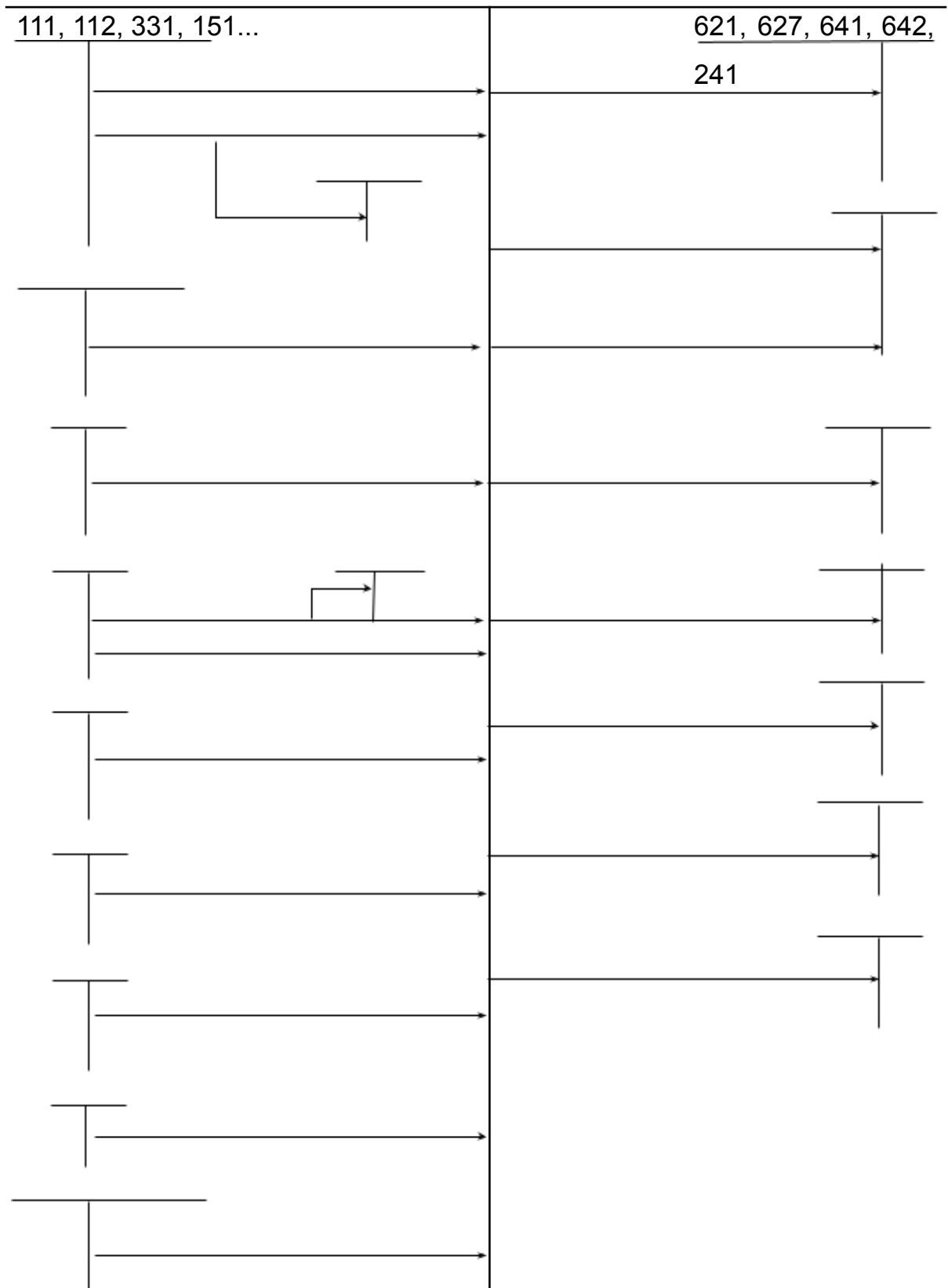
- Nếu giá trị nguyên liệu, vật liệu được đánh giá lại nhỏ hơn giá trị đã ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch, ghi:

Nợ TK 412: Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Có TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Sơ đồ tổng hợp hạch toán nguyên liệu, vật liệu

TK 152



NVL mua ngoài nhập kho (**)	Xuất kho NVL dùng cho SX -
(Giá có cả thuế GTGT)	KD và
133	xây dựng cơ bản
111, 112, 331...	331
Chi phí vận chuyển, bốc dỡ nvl nhập kho	Chiết khấu mua hàng được hưởng giảm giá hàng mua Trả lại NVL cho người bán
3333	154
Thuế nhập khẩu tính vào giá trị NVL nhập khẩu	Xuất NVL thuê ngoài gia công
331 133	821
Mua NVL (*) Vay ngắn hạn bằng NVL nhập kho (**)	NVL nhượng bán
(Giá có cả thuế GTGT)	128, 222
154	NVL đem góp vốn liên doanh
NVL thuê ngoài gia công NVL tự chế, phế liệu thu hồi nhập kho	338
411	Xuất NVL trả nợ đơn vị khác
Nhận vốn góp liên doanh vốn cổ phần bằng NVL	138, 338
222	NVL thiếu khi kiểm kê
Nhận lại vốn góp liên doanh bằng NVL	
338	
NVL thừa phát hiện khi kiểm kê	

421, 627, 641, 642

NVL xuất dùng cho sản xuất
không sử dụng hết, nhập lại
kho

Ghi chú:

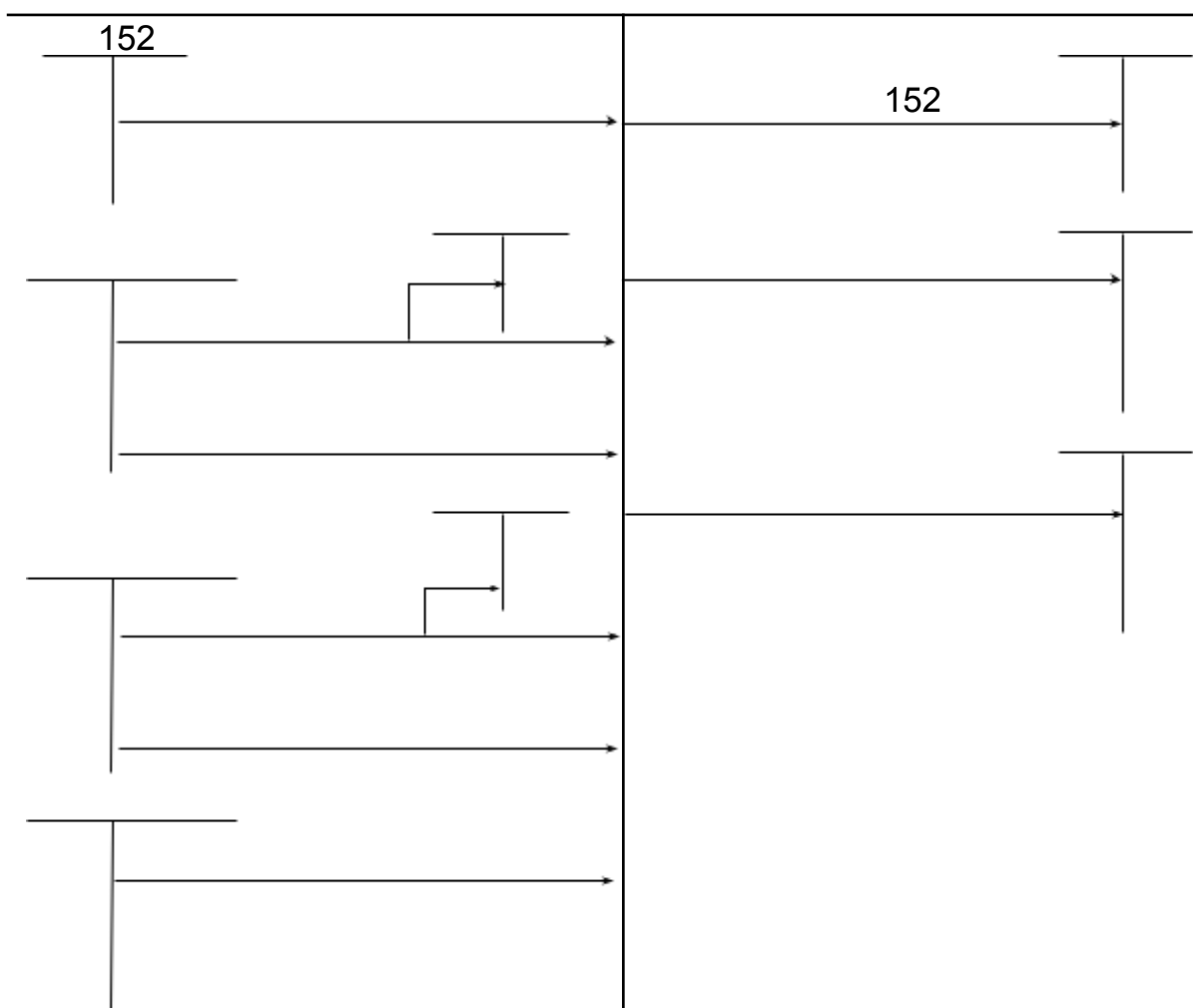
(*) Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

(**) Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Sơ đồ kế toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu

(Phương pháp kiểm kê định kỳ)

TK 611



Kết chuyển giá trị NVL tồn kho đầu kỳ	Kết chuyển giá trị nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ
111, 112, 331... Dùng tiền mua NVL Nhập kho (*) Mua NVL (**) 133	Chiết khấu mua hàng giảm giá hàng mua, trả lại hàng 621
331 Mua NVL nhập kho (*) Chưa trả tiền người bán Mua NVL (**) 333	Giá trị NVL xuất kho trong kỳ
Thuế nhập khẩu phải nộp Tính vào giá trị NVL	

Ghi chú:

(*) Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

(**) Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

1.4. HỆ THỐNG SỔ KẾ TOÁN VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU ÁP DỤNG TRONG DOANH NGHIỆP

Quá trình hạch toán bao giờ cũng xuất phát từ chứng từ gốc và kết thúc bằng các báo cáo kế toán thông qua việc ghi chép, theo dõi, tính toán, xử lý các số liệu trên sổ sách kế toán, sổ của phần kế toán tổng hợp được coi là sổ kế toán tổng hợp. Các doanh nghiệp sử dụng sổ kế toán tổng hợp vật liệu tùy thuộc vào hình thức kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

Hiện nay các doanh nghiệp sản xuất có thể áp dụng một trong các hình thức sổ kế toán sau:

1.4.1. Hình thức sổ kế toán nhật ký chứng từ

Kế toán tổng hợp nhập, xuất vật liệu được thực hiện trên nhiều sổ sách kế toán gồm: nhật ký chứng từ, bảng kê, sổ cái, sổ (thẻ) kế toán chi tiết.

- Những nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bên có TK 151 được phản ánh trên nhật ký chứng từ số 6, ghi có TK 151: Hàng mua đang đi trên đường.

- Nhật ký chứng từ số 6 phản ánh hàng mua đang đi trên đường đầu tháng đã về kho doanh nghiệp trong tháng.

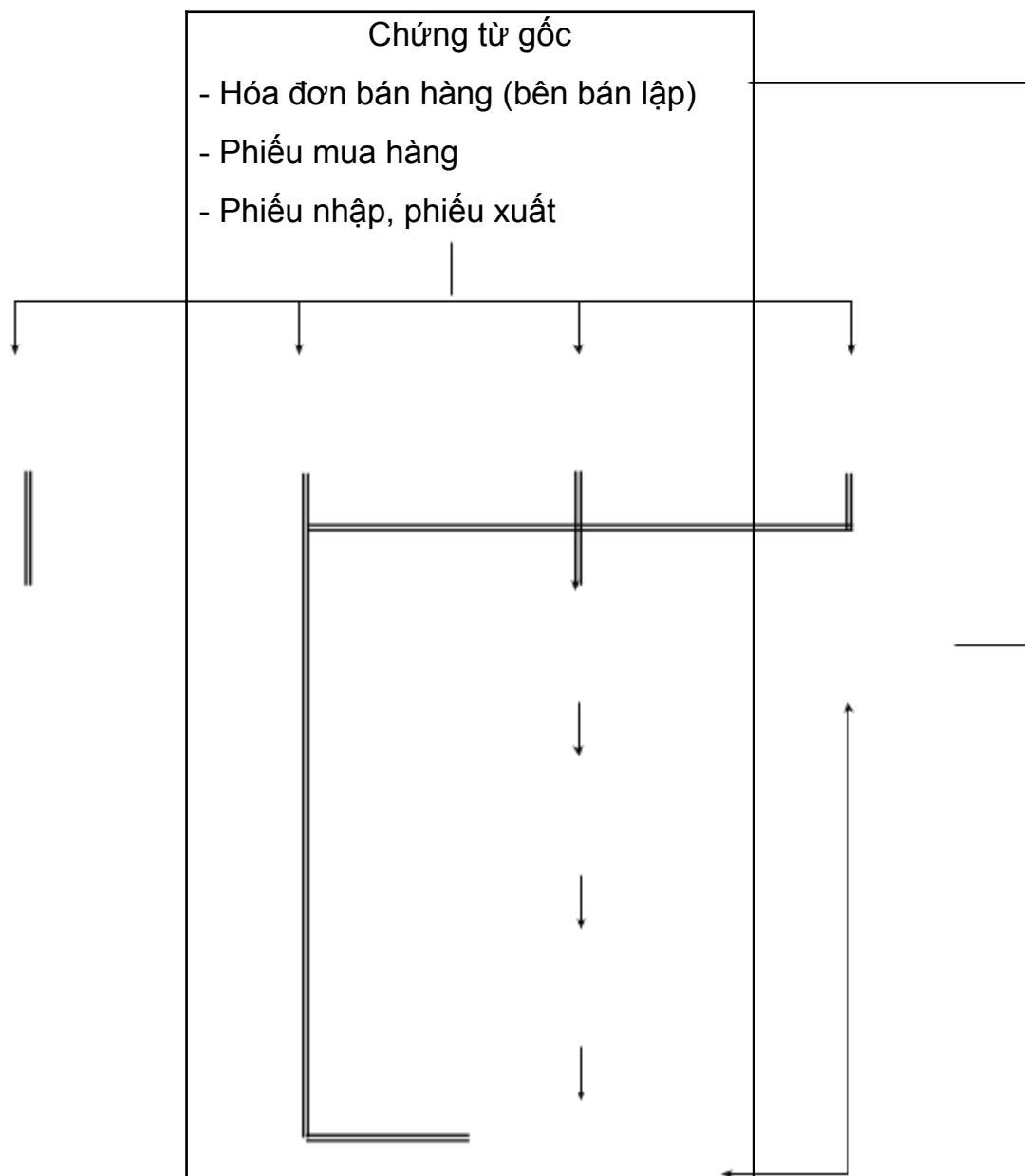
- Cuối tháng được cộng sổ ghi vào bảng kê số 3: Bảng tính giá thành thực tế vật liệu.

- Những nghiệp vụ kinh tế có liên quan đến bên Có, Nợ TK 331 được phản ánh trước hết vào sổ chi tiết TK 331, cuối tháng ghi chuyển số liệu từ sổ chi tiết 331 vào nhật ký chứng từ số 5.

Giá trị của vật liệu xuất kho trước hết được phản ánh vào bảng phân bổ vật liệu (bảng phân bổ số 2) theo từng đối tượng sử dụng. Số liệu ở bảng phân bổ số 2 được dùng để ghi vào bảng kê số 4, bảng kê số 5. Ngoài ra số liệu ở bảng phân bổ số 2 còn được dùng để ghi vào nhật ký chứng từ số 7 và sau đó

vật liệu xuất kho còn được phản ánh ở bảng kê, sổ chi tiết, nhật ký chứng từ có ghi sổ phát sinh bên Có của TK 152.

Sơ đồ: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chứng từ



Sổ chi tiết
thanh toán
với người
bán

NKCT số 6
Nợ TK 152,
153
Có TK
151

NKCT 1, 2
Nợ TK 151,
152
Có TK 111,
112

NKCT khác
Nợ TK 151

NKCT số 5
Nợ TK 151, 152
Có TK 331

Bảng kê
số 3

Sổ kế toán
chi tiết vật
liệu

Bảng kê
Số 2

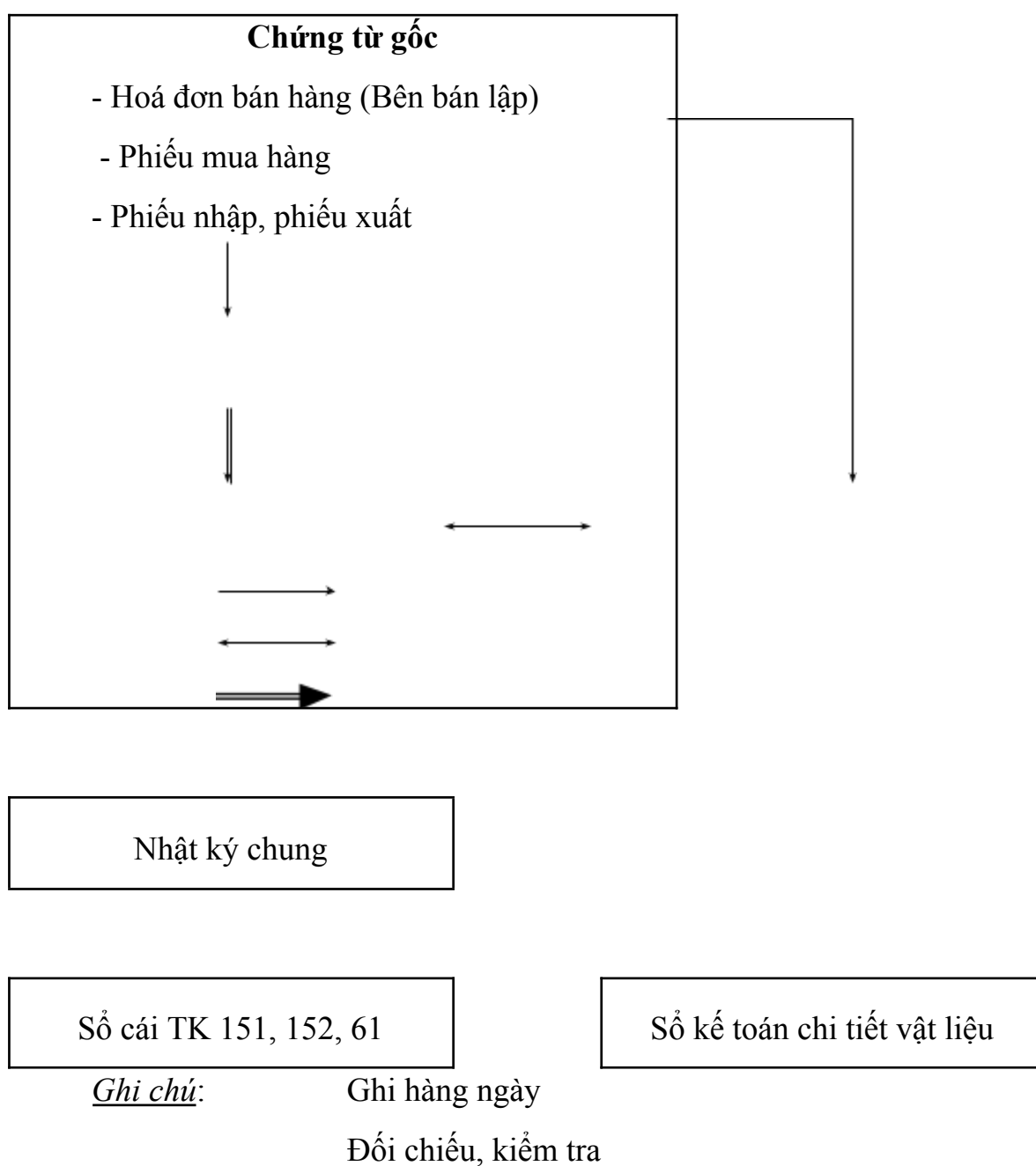
NKCT số 7
Nợ các TK
Có TK 151,
152

Sổ cái TK 152

Ghi chú: —————→ Ghi hàng ngày
 ←—————→ Đối chiếu, kiểm tra
 =====→ Ghi cuối tháng

1.4.2. Hình thức sổ kế toán nhật ký chung

Sổ kế toán tổng hợp được sử dụng cho kế toán tổng hợp vật liệu đơn giản hơn nhiều. Hàng ngày chỉ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh (chứng từ nhập, xuất) kế toán ghi sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian. Bên cạnh đó thực hiện phản ánh theo quan hệ đối ứng tài khoản để phục vụ cho việc ghi sổ cái.



Ghi cuối tháng

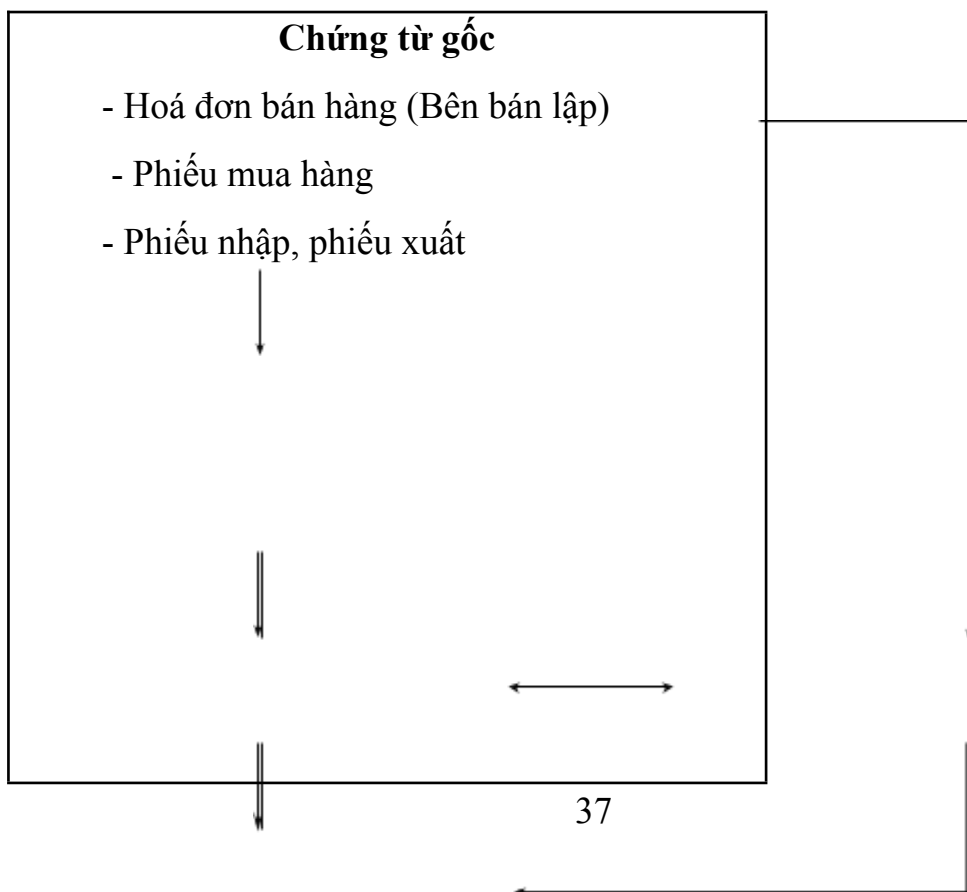
1.4.3. Hình thức sổ kế toán nhật ký sổ cái

Từ chứng từ gốc kế toán lập bảng tổng hợp nhập, xuất vật liệu căn cứ vào sổ tổng cộng của bảng tổng hợp để ghi vào nhật ký sổ cái. Chứng từ và bảng tổng hợp sau khi nhật ký sổ cái được ghi hoặc sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Nhật ký sổ cái là sổ kế toán tổng hợp dùng để phản ánh tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát theo trình tự thời gian và hệ thống hoá theo nội dung kinh tế.

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán để ghi vào các sổ hoặc thẻ chi tiết, cuối tháng hoặc cuối quý phải tổng hợp số liệu và khoá các sổ, thẻ kế toán chi tiết, lập bảng tổng hợp chi tiết. Bảng tổng chi tiết dùng để đối chiếu số liệu với nhật ký sổ cái vào cuối tháng.

Sơ đồ: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký sổ cái



Bảng tổng hợp chứng từ gốc

- Bảng tổng hợp chứng từ nhập
- Bảng tổng hợp chứng từ xuất

Nhật ký sổ cái

Sổ, thẻ kế toán chi tiết vật liệu

Báo cáo tài chính

Ghi chú: —————→ Ghi hàng ngày

—————↔—————→ Đối chiếu, kiểm tra

=====→ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

1.4.4. Hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ

Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ gốc đã đưa kiểm tra để lập chứng từ ghi sổ (đối với chứng từ gốc ít phát sinh) hoặc căn cứ vào chứng từ gốc cùng loại đã được kiểm tra, phân loại lập bảng tổng hợp chứng từ gốc sau đó lập chứng từ ghi sổ. Chứng từ ghi sổ sau khi đã ghi vào sổ đăng ký chứng từ để ghi vào sổ cái và sổ, thẻ chi tiết liên quan.

Chứng từ gốc

- Hoá đơn bán hàng (Bên bán lập)
- Phiếu mua hàng
- Phiếu nhập, phiếu xuất

Chứng từ ghi sổ

Sổ cái TK 151, TK 152

Sổ, thẻ kế toán chi tiết vật liệu

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Đối chiếu, kiểm tra

Ghi cuối tháng

Phần thứ II

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU Ở CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

2.1. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CƠ BẢN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

Công ty Cổ phần bê tông và Xây dựng Thái Nguyên được thành lập ngày 15/11/1999 theo Quyết định số 3584 của UBND tỉnh Thái Nguyên về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Với tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước có hơn 20 năm trong ngành sản xuất cấu kiện bê tông, xây dựng, sẵn sàng đảm nhận tốt các hợp đồng về cung ứng sản phẩm bê tông, các công trình kết cấu hạ tầng như: "Điện, đường, trường, trạm".

Với đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề Công ty Cổ phần bê tông và Xây dựng Thái Nguyên không ngừng đổi mới quản lý, đổi mới công nghệ, phát triển thêm ngành nghề, sản phẩm để phục vụ tốt việc xây lắp các công trình, xây dựng cơ sở hạ tầng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về kỹ thuật và mỹ thuật.

Công ty Cổ phần bê tông và Xây dựng Thái Nguyên từ ngày thành lập đã không ngừng lớn mạnh, hoàn thành và hoàn thành xuất sắc các công trình xây dựng công nghiệp, các hợp đồng cung ứng sản phẩm... và nghĩa vụ đối với Nhà nước. Để làm thoả mãn nhu cầu của khách hàng tập thể cán bộ công nhân viên của Công ty luôn lao động quên mình vì sự phát triển của Công ty. Sự trưởng thành và cố gắng ấy đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận qua các bằng khen, cờ thi đua của Sở Công nghiệp, UBND tỉnh Thái Nguyên, Liên đoàn Lao động tỉnh Thái Nguyên, UBND các tỉnh lân cận nơi Công ty thi

công xây dựng các công trình. Đặc biệt năm 2001 Giám đốc Công ty và tập thể Công ty đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam tặng cờ và bằng khen là doanh nghiệp trẻ tiêu biểu toàn quốc, đạt giải thưởng Sao đỏ 2001, vinh dự được đón đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh về thăm ngày 08/05/2002.

Để thấy được tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty qua các năm ta xem xét các bảng sau:

Bảng 01a: Tình hình sản xuất của Công ty qua 3 năm

T T	Chỉ tiêu	M ã s ố	Năm 2000	Năm 2001	Năm 2002	± (%) so sánh 2001/2002	± (%) so sánh 2002/2001	± (%) bình quân 3 năm
1.	Tổng doanh thu	01	15.450.835.9 99	72.417.756.4 79	110.208.059. 469	368,69	52,18	210,43
2.	Các khoản giảm trừ	03	490.960.798	259.439.308	2.311.701.24 7			
3.	Doanh thu thuần (01- 03)	10	14.959.875.2 01	72.158.317.1 71	107.896.358. 222	382,34	49,52	215,93
4.	Glá vốn hàng bán	11	13.15.070.14 9	65.234.175.9 17	98.229.441.0 87			
5.	LN gộp (20 = 10 - 11)	20	1.089.805.05 2	6.924.141.25 4	9.666.917.13 5	282,59	39,61	116,1
6.	Chi phí bán hàng	21	187.054.127	562.369.257	936.749.009			
7.	Chi phí quản lý DN	22	1.090.646.95 3	2.596.741.02 4	4.286.372.47 6			
8.	LN từ hoạt động KD (30= 20 - (21 + 22))	30	532.103.972	3.765.030.97 3	4.443.796.65 0	607,57	18,02	312,79
9.	Thu hoạt động TC	31	9.975.000	319.070.199	1.309.043.33 6			
10.	Chi phí hoạt động TC	32	0	2.468.867.82 0	5.238.937.81 7			
11.	LN từ hoạt động TC (40 = 31 - 32)	40	9.978.000	-2.149.797.6 21	-3.929.894.4 81	-21.651,8	-82,8	-10.867,3
12.	Các khoản thu BT	41	5.00.000	20.067.600	525.100.000			
13.	Chi phí bất thường	42	3.288.564	33.594.613	525.000.000			

14.	LN từ các khoản BT (50 - 41 - 42)	50	1.711.436	-13.527.013	100.000	- 890,38	100,73	-394,82
15.	Σ LN trước thuế (30 + 40 + 50)	60	543.790.408	1.601.706.33 9	514.001.169	194,54	-679	63,32
16.	Thuế TN mà DN phải nộp	70		25.026.000	0			
17.	LN sau thuế		543.790.408	1.576.680.33 9	514.001.169	189,94	-67,39	61,27

**Biểu 01-b: Tình hình sử dụng lao động
và thu nhập bình quân tại Công ty qua 3 năm**

Chỉ tiêu	Năm	ĐVT	Năm 2000	Năm 2001	Năm 2002	So sánh 2001/2000 ± (%)	So sánh 2002/2001 ± (%)	Bình quân qua 3 năm ± (%)
Tổng số lao động		người	430	900	950	109,3	5,56	57,43
Lao động trực tiếp		người	382	813	820	112,8	0,86	56,83
Lao động gián tiếp		người	48	87	130	81,25	49,4	65,3
Trình độ lao động								
Đại học - CĐ		người	40	85	135	112,5	58,8	85,65
Trung cấp		người	295	515	500	74,57	(2,9)	35,83
LĐ phổ thông		người	95	300	315	215,78	5	110,39
Thu nhập BQ		đ/người/tháng	650.000	700.000	750.000			

1.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của Công ty

- Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh

- Trong quá trình hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần bê tông và Xây dựng Thái Nguyên đã không ngừng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh cả về qui mô và ngành nghề. Tăng cường và huy động vốn, đào tạo và tuyển dụng nhiều cán bộ trẻ có năng lực, đào tạo công nhân lành nghề cao, tăng cường đổi mới đầu tư trang thiết bị hiện đại cho phù hợp với sự phát triển của Công ty cũng như của xã hội.

Công ty cũng là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân đầy đủ, hạch toán kinh tế độc lập, hạch toán theo điều lệ của Công ty và luật doanh nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất cột điện bê tông, thiết bị điện (bảng điện, cầu dao, cầu chì, dây điện) ngoài ra còn xây dựng nhiều công trình: Thuỷ lợi, giao thông, nền móng công trình, san lấp mặt bằng, cột thu phát sóng phát thanh - truyền hình, thông tin Vi ba, lắp đặt thiết bị dây truyền sản xuất công nghiệp, đường dây và trạm biến áp đến 35KV...

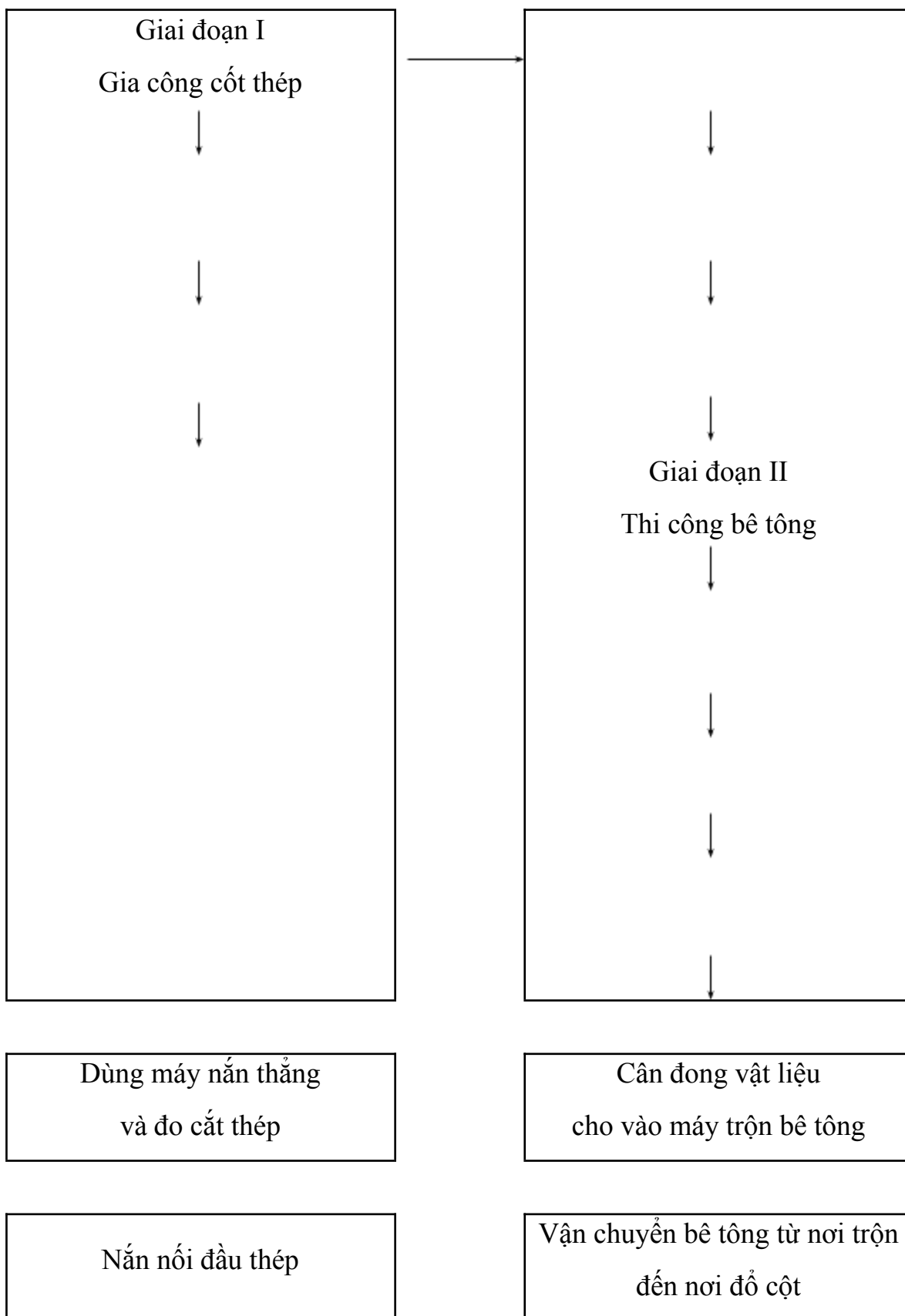
Công ty thực hiện kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký, đúng với các quy định của pháp luật hiện hành, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội trong và ngoài tỉnh. Đặc biệt phục vụ cho công cuộc xoá đói giảm nghèo và công cuộc xây dựng cơ sở hạ tầng của đất nước nói chung và tỉnh Thái Nguyên nói riêng trong giai đoạn phát triển kinh tế của thế kỷ 21.

Nhiệm vụ của Công ty là phải hoàn thành nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, bảo tồn và phát huy hiệu quả các nguồn vốn và tài sản đã thu được Nhà nước và các cổ đông giao cho quản lý chấp hành đầy đủ nghĩa vụ ngân sách.

* Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất cột điện bê tông của Công ty Cổ phần bê tông và Xây dựng Thái Nguyên:

Quy trình công nghệ sản xuất cột điện bê tông gồm hai giai đoạn chính:

Sơ đồ: Quy trình công nghệ sản xuất cột điện bê tông



Lắp dựng khung cột thép	Đặt xương cột thép vào khuôn, rải bê tông đều
	Đẩy lắp khuôn, xiết chặt bu lông, cửa lên dàn quay
	Quay ly tâm khoảng 18 phút
	Cầu cả cột tới vị trí bảo dưỡng tiến hành xông hơi 5 - 6 giờ
	Dỡ khuôn và ngâm nước bảo dưỡng

Quy trình công nghệ sản xuất cột tuy là hai giai đoạn nhưng là quy trình khép kín được tiến hành liên tục đồng thời trong cùng một phân xưởng.

* Đặc điểm tổ chức quản lý của Công ty

Để phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất, tổ chức bộ máy quản lý sản xuất của Công ty được bố trí bao gồm:

(-) Giám đốc: Giám đốc Công ty được Hội đồng bổ nhiệm, là người đại diện cho Công ty quản lý Công ty theo chế độ một thủ trưởng. Giám đốc có quyền điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về mọi hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty

nhu điều lệ Công ty đã quy định. Công ty có một phó giám đốc, một kế toán trưởng giúp việc cho giám đốc và chịu trách nhiệm trước giám đốc về công việc được phân công.

(-) Phó giám đốc: Do giám đốc đề nghị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm có trách nhiệm tham mưu giúp việc cho giám đốc Công ty hoàn thành nhiệm vụ mà Hội đồng quản trị giao.

(-) Kế toán trưởng: Kế toán trưởng là do phó Giám đốc Công ty đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có trách nhiệm tham mưu giúp việc cho giám đốc Công ty hoàn thành nhiệm vụ mà Hội đồng quản trị giao.

(-) Các phòng ban chức năng bao gồm:

- Phòng kế hoạch kỹ thuật vật tư (kỹ thuật + vật tư)

+ Bộ phận kế hoạch kỹ thuật

Giúp giám đốc Công ty chỉ đạo phần việc kinh tế, kế hoạch và kỹ thuật sản xuất thi công toàn bộ Công ty.

Giúp giám đốc lập kế hoạch hàng năm của Công ty (kế hoạch sản xuất, kế hoạch giá thành, kế hoạch vật tư) hàng tháng, quý, năm, tổ thực hiện kế hoạch.

Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, kế hoạch kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm. Tiếp thị và lập dự án tham gia đấu thầu thi công các công trình xây dựng và cung cấp sản phẩm bê tông.

Tham mưu cho giám đốc Công ty tổ chức và triển khai chỉ đạo công tác kế hoạch kỹ thuật công nghệ, công tác quản lý và sử dụng máy móc thiết bị, công tác bảo hộ lao động, vệ sinh công nghiệp. Nghiên cứu công nghệ mới, công nghệ thích hợp, đổi mới công nghệ sản xuất, cải tiến sản phẩm để tham mưu cho giám đốc áp dụng nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản phẩm.

+ Bộ phận vật tư

Có trách nhiệm lập kế hoạch quản lý cung ứng cấp phát vật tư đáp ứng yêu cầu sản xuất và thi công xây lắp các công trình của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

Quản lý theo dõi cấp phát sử dụng vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải đúng chế độ, theo đúng định mức kinh tế kỹ thuật quy định.

- Phòng tổ chức lao động tiền lương: Giúp giám đốc Công ty phân công việc tổ chức - hành chính - lao động tiền lương và công tác bảo vệ cơ quan.

+ Làm tốt công tác tổ chức cán bộ.

+ Bố trí hợp lý bộ máy quản lý và sản xuất theo năng lực, trình độ cán bộ nghề nghiệp của công nhân viên.

+ Giữ gìn kỷ luật trong sản xuất, đoàn kết trong Công ty.

+ Làm tốt công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật và công tác xã hội của Công ty.

+ Quản lý được mức độ lao động, chi phí tiền lương và thu nhập trong sản xuất từ khâu kế hoạch đến kết quả thực hiện cuối cùng.

+ Thanh toán đầy đủ và kịp thời về tiền lương, tiền thưởng cho tập thể và cá nhân người lao động đảm bảo theo nguyên tắc phân phối theo lao động và phù hợp theo quy chế phân phối tiền lương của Công ty.

+ Quản lý tạp vụ, văn thư, y tế, đánh máy, con dấu, điện thoại, thư tín, công văn, giấy tờ, nội quy, quy chế của đơn vị, làm tốt công tác vệ sinh môi trường.

- Phòng kế toán - thống kê - tài vụ

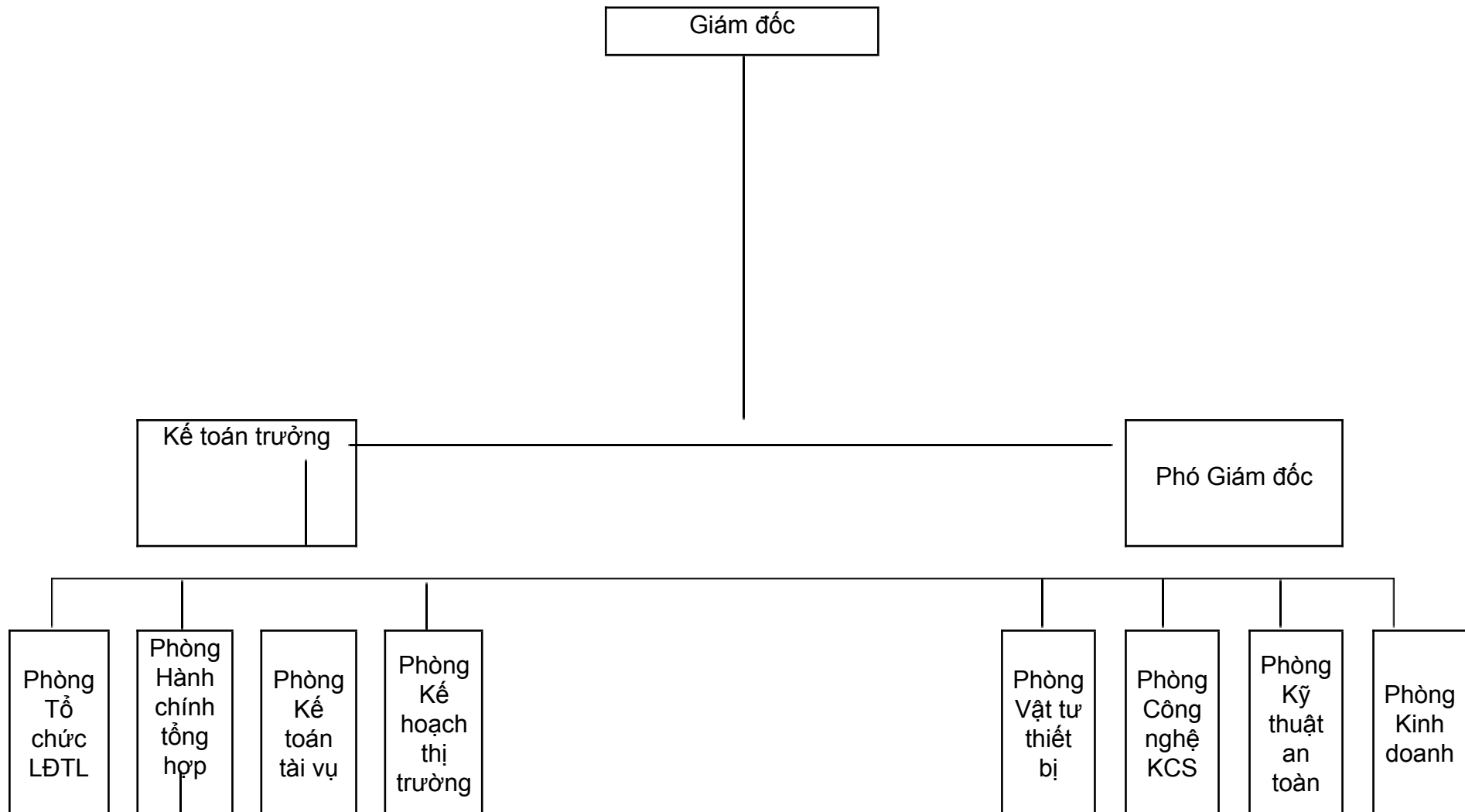
Phải thực hiện tốt chế độ kế toán, thống kê theo pháp luật của Nhà nước. Kế toán trưởng là người điều hành trực tiếp hoạt động phòng Kế toán - thống kê - tài vụ.

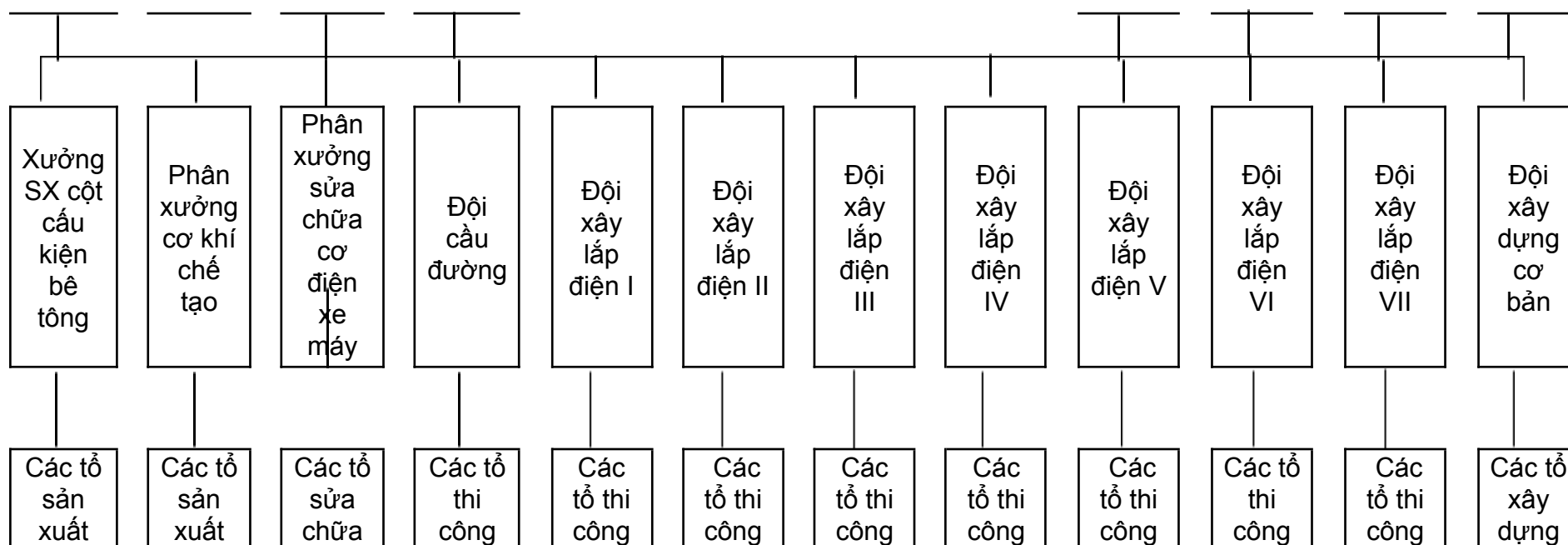
Ngoài ra còn có các phòng:

- Phòng hành chính tổng hợp
- Phòng kế hoạch thị trường
- Phòng công nghệ KCS
- Phòng kinh doanh

Và các tổ đội, xưởng sản xuất

Sơ đồ: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên





2.2. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY

2.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Tổ chức cơ cấu bộ máy kế toán hợp lý gọn nhẹ và hoạt động có hiệu quả là điều kiện quan trọng để cung cấp thông tin một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác cho các đối tượng sử dụng thông tin đồng thời phát huy và nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán. Muốn vậy việc tổ chức công tác kế toán phải căn cứ vào các đặc điểm tổ chức và qui mô sản xuất kinh doanh của Công ty, khối lượng và mức độ phức tạp của các nghiệp vụ kế toán cũng như trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán. Hiện tại việc tổ chức công tác kế toán ở Công ty tiến hành theo hình thức công tác kế toán tập trung.

Phòng Kế toán của Công ty bao gồm 8 người được tổ chức như sau:

(-) Kế toán trưởng: Giúp giám đốc Công ty tổ chức thực hiện toàn bộ công tác tài chính kế toán theo cơ chế quản lý mới và theo đúng pháp lệnh kế toán trưởng hiện hành.

+ Tổ chức việc tạo và sử dụng các nguồn vốn

+ Hướng dẫn công tác hạch toán kế toán, ghi chép sổ sách chứng từ kế toán. Tổ chức kiểm tra kế toán và phân tích các hoạt động kinh tế.

+ Chỉ đạo việc lập kế hoạch tài chính tín dụng và chịu trách nhiệm trước giám đốc Công ty về toàn bộ công tác tài chính kế toán.

(-) Kế toán tài sản cố định

+ Mở sổ theo dõi TSCĐ, trích khấu hao TSCĐ.

+ Lập sổ theo dõi: Trích kết hợp sửa chữa lớn theo quy định, chi phí sửa chữa lớn của Công ty.

+ Vào bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.

(-) Kế toán tiền lương

- + Mở sổ theo dõi danh sách cán bộ công nhân trong Công ty (kể cả Hội đồng quản trị).

- + Thanh toán tiền lương cho cán bộ, công nhân trong Công ty, thanh toán phép và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

- (-) Kế toán vật tư

- + Mở sổ đăng ký thẻ kho

- + Viết phiếu nhập xuất vật tư

- + Mở sổ theo dõi chi tiết biến động vật tư.

- + Vào bảng kê số 3 "Tính giá nguyên liệu, vật liệu" vào bảng phân bổ vật liệu.

- + Phân bổ vật tư vào đối tượng sử dụng.

- + Kiểm kê vật tư, dụng cụ trang thiết bị thi công, thành phẩm...

- + Viết phiếu nhập kho sản phẩm.

- + Viết hoá đơn bán hàng cho khách hàng, hoá đơn, phiếu xuất kho nội bộ.

- (-) Kế toán thanh toán

- + Tiền mặt: Viết phiếu thu chi hàng ngày

- Mở sổ quỹ và báo cáo quỹ

- + Tiền gửi: Lập chứng từ, đi giao dịch với khách hàng

- Mở sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng

- Vào sổ nhật ký chung và bảng kê

- + Thanh toán nội bộ: Theo dõi ghi chép các khoản thu phải trả cho cán bộ công nhân trong Công ty.

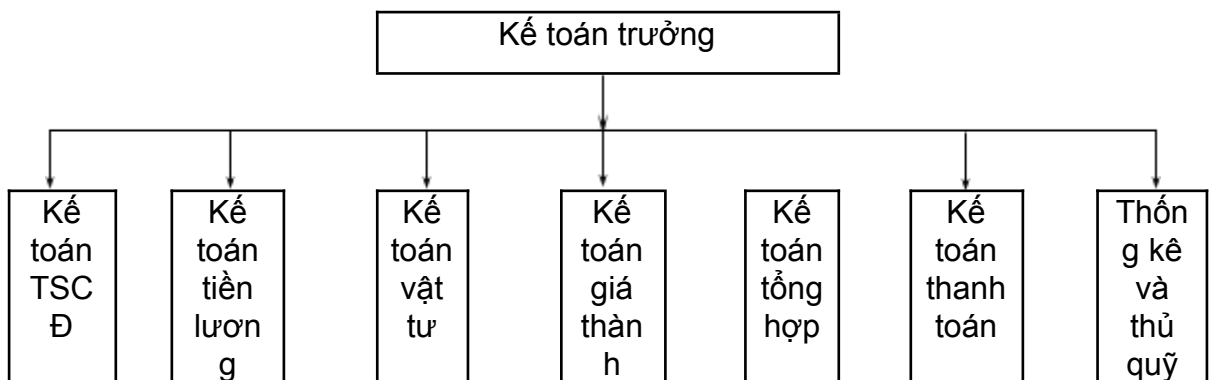
- + Thanh toán với khách hàng:

- Mở sổ theo dõi chi tiết các khoản nợ của khách hàng vào bảng kê.

Mở sổ theo dõi các khoản vốn vay, các khoản nộp nghĩa vụ đối với Nhà nước: BHXH, BHYT, KPCĐ.

- Kế toán giá thành
 - + Tập hợp chi phí thực tế của sản phẩm, công trình.
 - + Mở sổ theo dõi giá thành thực tế của sản phẩm, công trình.
- Kế toán tổng hợp
 - + Kiểm tra lại tính hợp lý, quản lý của từng khoản mục phát sinh của từng bộ phận khác đã hạch toán trước khi nên tổng hợp.
 - + Giúp cho kế toán trưởng về kiểm tra kí tất chứng từ thanh toán trước khi kế toán trưởng vào các sổ tổng hợp và sổ cái.
- Thống kê và thủ quỹ
 - + Báo cáo thực hiện giá trị sản lượng theo tháng, quý, năm lên hội đồng quản trị.
 - + Báo cáo về lao động, tiền lương, tiền thưởng, thu nhập của cán bộ công nhân trong Công ty lên hội đồng quản trị.
 - + Báo cáo chi phí sản xuất, chi phí trung gian và giá trị tăng thêm lên của Hội đồng quản trị.

**Sơ đồ: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán
ở Công ty cổ phần bê tông và xây dựng Thái Nguyên**



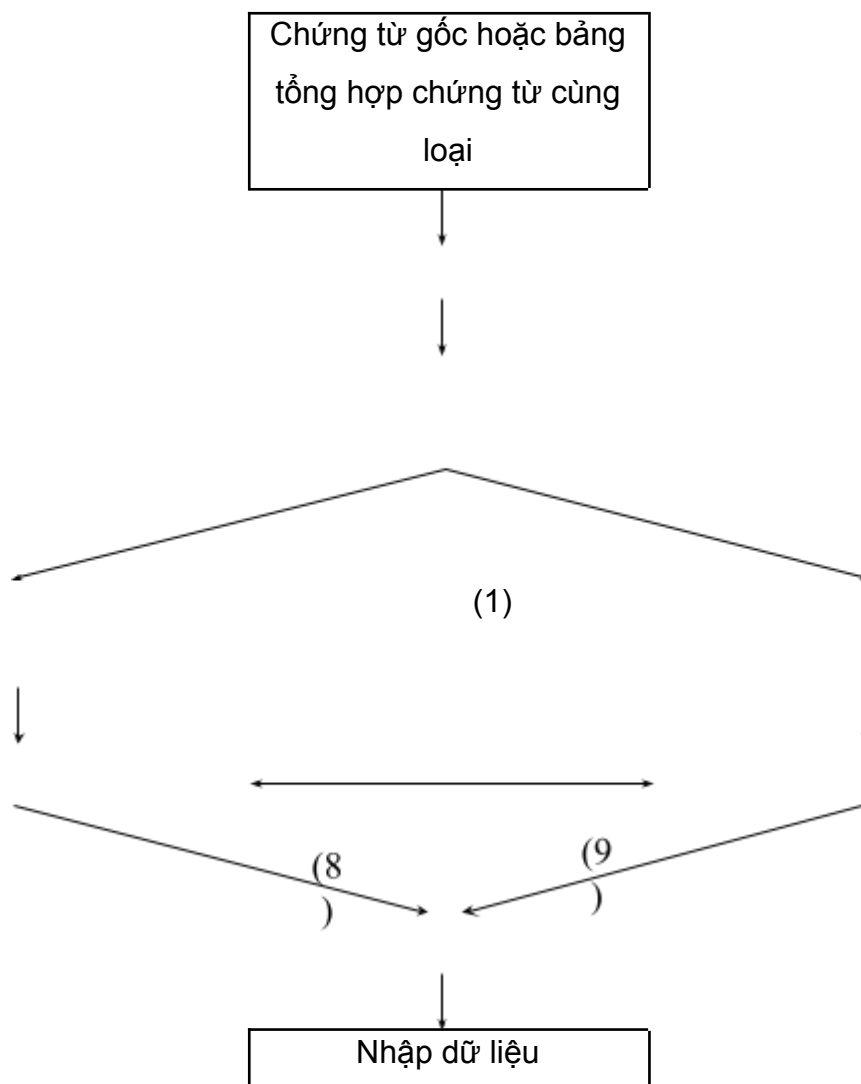
2.2.2. Hình thức kế toán mà Công ty áp dụng

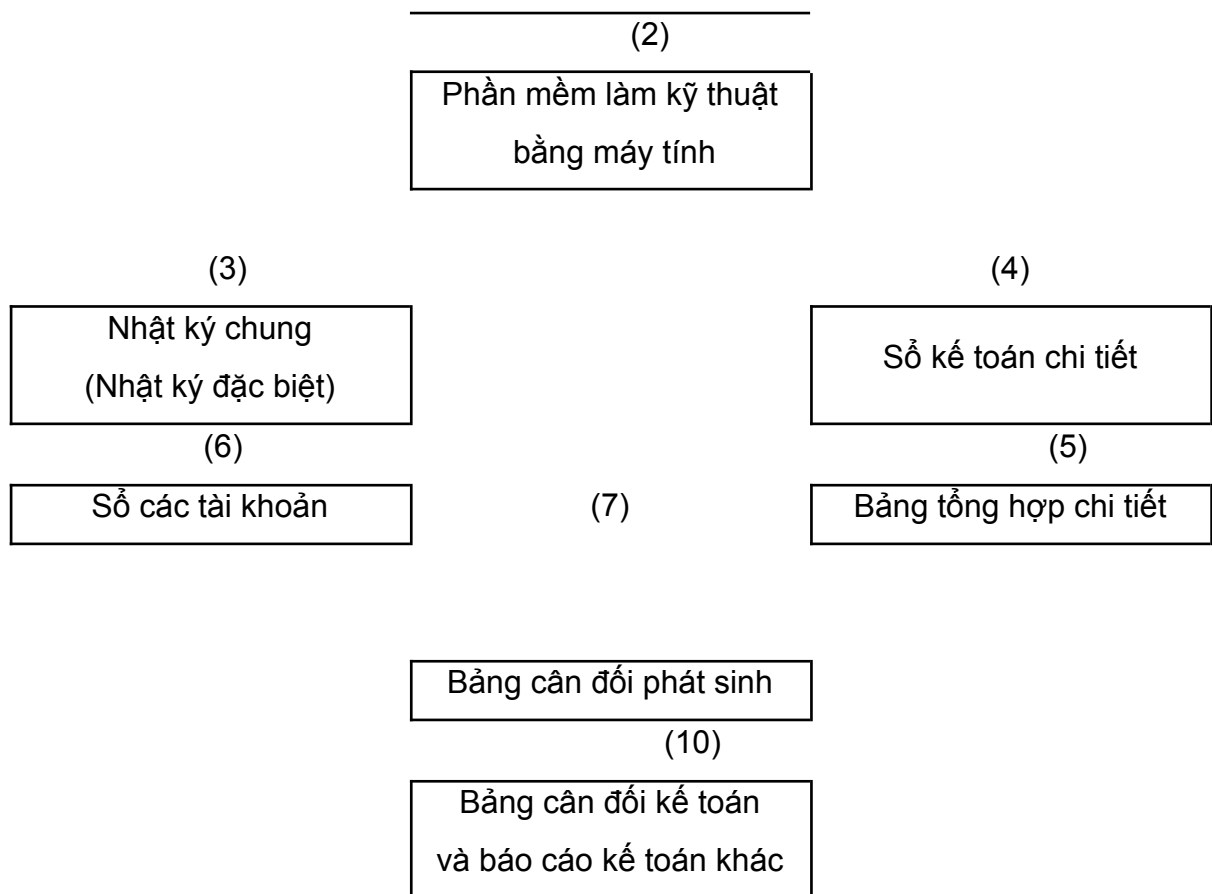
Công ty Cổ phần bê tông và xây dựng Thái Nguyên sử dụng hình thức ghi sổ kinh tế là hình thức Nhật ký chung, hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên theo quy định của chế độ kế toán do bộ trưởng bộ tài chính ban hành theo quyết định số 1141 TC/QĐ/CĐTC ngày 1/11/1995.

* *Hệ thống sổ sách kế toán*

- Sổ kế toán tổng hợp: bao gồm sổ nhật ký chung.
- Sổ kế toán chi tiết: kế toán chi tiết TSCĐ, vật liệu, thành phẩm, các bảng phân bổ tiền lương BHXH...

Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung





*** *Trình tự ghi sổ:***

(1), (2) hàng ngày theo định kỳ căn cứ vào chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại kiểm tra đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý của chứng từ sau đó nhập dữ liệu vào máy tính để phần mềm kế toán làm bằng máy.

(3) Chứng từ gốc sau khi đã nhập vào máy, phần mềm làm kế toán bằng máy sau đó được ghi vào sổ nhật ký chung hoặc sổ nhật ký đặc biệt.

(4) Sau đó sổ nhật ký chung hoặc sổ nhật ký đặc biệt được chuyển đến kế toán chi tiết để ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết.

(5) Cuối tháng căn cứ vào đó lập bảng tổng hợp chi tiết.

(6) Về phía sổ nhật ký chung và sổ nhật ký đặc biệt thì cuối ngày hoặc định kỳ từ đó ghi vào sổ cái, cuối tháng sổ cái tổng hợp từng tài khoản rút số dư của các tài khoản.

(7) Sau đó đối chiếu khớp đúng với các tài khoản trên sổ cái và các bảng tổng hợp chi tiết.

(8), (9) Số liệu trên sổ cái là cơ sở lập bảng cân đối số phát sinh cuối tháng.

(10) Cuối tháng từ bảng cân đối số phát sinh lập bảng cân đối kế toán.

* Hình thức ghi sổ Nhật ký chung là hình thức kế toán được sử dụng rộng rãi ở các đất nước và các đơn vị sự nghiệp có quy mô lớn trong thời gian những năm gần đây.

Hình thức kế toán này cũng có đặc điểm giống như hình thức kế toán chứng từ ghi sổ, chỉ khác là không cần lập chứng từ ghi sổ để ghi sổ kế toán tổng hợp, mà chỉ căn cứ vào chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại hàng ngày để lập định khoản kế toán ghi trực tiếp vào sổ nhật ký chung, hoặc sổ nhật ký đặc biệt sau đó căn cứ vào định khoản trong các nhật ký này để ghi vào sổ cái.

Đây là hình thức kế toán phù hợp với Công ty khi mà Công ty đã trang bị được đầy đủ máy tính. Để có thể sử dụng được máy vi tính trong công tác kế toán thì Công ty đã có kế hoạch trang bị máy, trang bị kiến thức tin học và sự hiểu biết sử dụng máy tính cho các cán bộ kế toán, tìm hiểu các chương trình phần mềm kế toán hiện có và thực hiện việc mã hoá các đối tượng kế toán cụ thể ở Công ty, để có thể sử dụng máy tính thực hiện các công việc kế toán ở Công ty một cách dễ dàng hơn và nhanh chóng hơn. Mà hệ thống hạch toán kế toán vẫn phát huy được vai trò kiểm tra giám sát các hoạt động sản

xuất kinh doanh một cách có hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu quản lý của Công ty.

2.2.3. Phương pháp tính thuế của Công ty

Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên áp dụng phương pháp khấu trừ khi tính thuế GTGT. Vì vậy khi nhập xuất các loại hàng hoá, nguyên vật liệu đồng thời với việc phản ánh doanh thu kế toán phải hạch toán thuế GTGT đầu ra.

Do chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp mới thành lập nên trong vài năm tới Công ty không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Vậy thuế GTGT đầu ra của Công ty được tính trên cơ sở doanh thu bán hàng chưa có thuế, với mức thuế suất GTGT là 10% đối với các loại cột điện và 5% đối với các công trình xây lắp.

Căn cứ để Công ty hạch toán thuế GTGT là các hoá đơn GTGT và các chứng từ có liên quan.

2.3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong tất cả các đề tài nghiên cứu khoa học muốn có được kết quả đúng, đều phải xuất phát từ phương pháp nghiên cứu đúng và phải biết kết hợp nhiều phương pháp khác nhau. Trong quá trình nghiên cứu chuyên đề này tôi có sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau:

*** Phương pháp duy vật biện chứng**

Phương pháp này yêu cầu nghiên cứu, xem xét các hiện tượng một cách không cô lập, mà phải xem xét trong mối quan hệ của nó không phải trong trạng thái tĩnh mà trong sự chuyển biến từ lượng sang chất, trong sự đấu tranh giữa các mặt với nhau, giữa quan hệ lý luận và thực tiễn. Đây là một phương pháp có liên quan đến nhiều yếu tố khác nhau cả về tự nhiên và xã hội của một sự vật hiện tượng, khi xem xét nó phải xem xét trong sự liên quan ràng buộc lẫn nhau của yếu tố, có như vậy mới nắm được sự ảnh hưởng của nó tới mục đích nghiên cứu.

*** Phương pháp kế toán**

- Phương pháp chứng từ kế toán: Là phương pháp dùng để kiểm tra sự cân đối giữa các tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp, giữa các tài khoản chi tiết và tài khoản tổng hợp. Phương pháp này dùng để sao chép một cách chân thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thực sự hoàn thành.

- Phương pháp tính giá: Cho ta xác định được giá trị tài sản bằng tiền theo nguyên tắc nhất định.

- Phương pháp tài khoản và ghi sổ kép: Phương pháp này dùng để phân loại và phản ánh sự biến động của từng đối tượng kế toán.

*** Các phương pháp phân tích hoạt động kinh tế**

- Phương pháp chỉ số: Bằng phương pháp này ta có thể kiểm tra được sự tăng giảm của một yếu tố giữa các kỳ là bao nhiêu phần trăm và nguyên nhân nào làm tăng giảm.

- Phương pháp so sánh thống kê: Cho biết sự chênh lệch giữa các kỳ từ đó có hướng đầu tư phát triển.

2.3. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU Ở CÔNG TY

2.3.1. Đặc điểm và tình hình quản lý nguyên vật liệu

Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên là một doanh nghiệp sản xuất sản phẩm có quy mô lớn, chính vì vậy nguyên vật liệu của Công ty gồm nhiều loại có đặc điểm tính chất và công cụ quản lý khác nhau.

Xét về mặt chi phí, nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và trong giá thành sản phẩm, đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu chính bao gồm: Xi măng, sắt thép, cát, đá sỏi (phục vụ cho phân xưởng đúc cột) trong đó chỉ cần có một thay đổi nhỏ về giá mua nguyên vật liệu cũng làm ảnh hưởng lớn tới giá thành sản xuất sản phẩm của Công ty.

Nguyên vật liệu mà Công ty sử dụng chủ yếu là mua của các nhà máy, xí nghiệp bên ngoài do vậy cần phải dự trữ nguyên vật liệu để đảm bảo cho dây chuyền sản xuất không bị đứt đoạn. Tuy nhiên tránh dự trữ nguyên vật liệu quá nhiều làm tổn động vốn. Ngoài ra việc sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu cũng là biện pháp tích cực nhằm hạ thấp giá thành sản phẩm, góp phần không nhỏ để nâng cao hiệu quả sản xuất.

Để đảm bảo cho quá trình sản xuất không bị gián đoạn Công ty cũng có hệ thống kho dự trữ vật liệu và công tác quản lý cũng rất được coi trọng đặc biệt với những nguyên vật liệu phải để ở ngoài mưa, nắng. Mục tiêu của Công ty đặt ra là phải quản lý vật liệu một cách chặt chẽ từ khâu mua, bảo quản đến sử dụng. Điều này có hiệu quả hay không phụ thuộc rất nhiều vào khâu quản lý mà công tác hạch toán kế toán chiếm một vị trí không nhỏ.

2.2.2. Phân loại vật liệu

Để sản xuất ra các loại sản phẩm đáp ứng cho nhu cầu của thị trường Công ty phải sử dụng nhiều loại vật liệu với nhiều thứ khác nhau và với một khối lượng lớn. Mỗi loại có nội dung kinh tế và chức năng khác nhau. Bởi vậy để quản lý tốt vật liệu và hạch toán chính xác thì phải tiến hành phân loại vật liệu một cách khoa học hợp lý. Căn cứ vào vai trò ứng dụng của vật liệu trong quá trình sản xuất Công ty chia vật liệu thành các loại như sau:

- Nguyên vật liệu chính TK 1521

Bao gồm: Xi măng, sắt thép, cát, đá sỏi.

- Vật liệu phụ TK 1522

Bao gồm: Dầu thải, dẻ lau

- Nhiên liệu TK 1523

Bao gồm: Xăng, dầu, than

- Phụ tùng thay thế TK 1524

Bao gồm: Các linh kiện máy, khuôn, kìm,...

2.2.3. Đánh giá nguyên vật liệu

Đánh giá nguyên vật liệu là sự xác định giá trị của vật liệu theo những nguyên tắc nhất định, đảm bảo yêu cầu chân thực, thống nhất, nhằm thực hiện công tác kế toán một cách thuận tiện, Công ty sử dụng giá trị thực tế để hạch toán vật liệu nhập, xuất kho.

**** Đánh giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho***

Công ty mua nguyên vật liệu với phương thức nhận tại kho nên cho phí vận chuyển, bốc dỡ do bên bán chịu. Mọi chi phí vận chuyển đều được bên bán tính vào giá ghi trên hoá đơn. Vì vậy giá thực tế của nguyên vật liệu chính là giá ghi trên hoá đơn (không bao gồm thuế GTGT đầu vào).

**** Đánh giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho***

Công ty khi xuất theo nguyên vật liệu, kế toán tính giá trị thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền. Theo cách tính này sang đầu tháng sau mới tính được giá trị thực tế vật liệu xuất kho, vì phải kết thúc tháng này mới tổng hợp được vật liệu xuất trong tháng. Bởi vậy trong tháng khi xuất nguyên vật liệu để sản xuất, kế toán chỉ có thể theo dõi về mặt số lượng. Trên hoá đơn xuất kho của Công ty cũng chỉ ghi chỉ tiêu số lượng. Hàng ngày các chứng từ nhập, xuất vật liệu được thủ kho lưu lại để cuối tháng tính số tồn kho của từng thứ nguyên vật liệu. Sau định kỳ quy định thì sẽ được chuyển lên phòng kế toán. Kế toán căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất đó và phân ra từng loại, từng thứ... để ghi vào sổ chi tiết vật tư và cuối tháng tính ra số vật liệu tồn kho trong tháng.

Công thức tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế vật} \\ \text{liệu xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng vật liệu} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{vật liệu xuất kho} \end{array}$$

$$\text{Đơn giá bình quân vật liệu xuất kho} = \frac{\sum \text{giá trị thực tế còn lại của vật liệu tồn kho đầu kỳ} + \sum \text{giá trị thực tế vật liệu nhập trong tháng}}{\text{Số lượng vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng vật liệu nhập trong kỳ}}$$

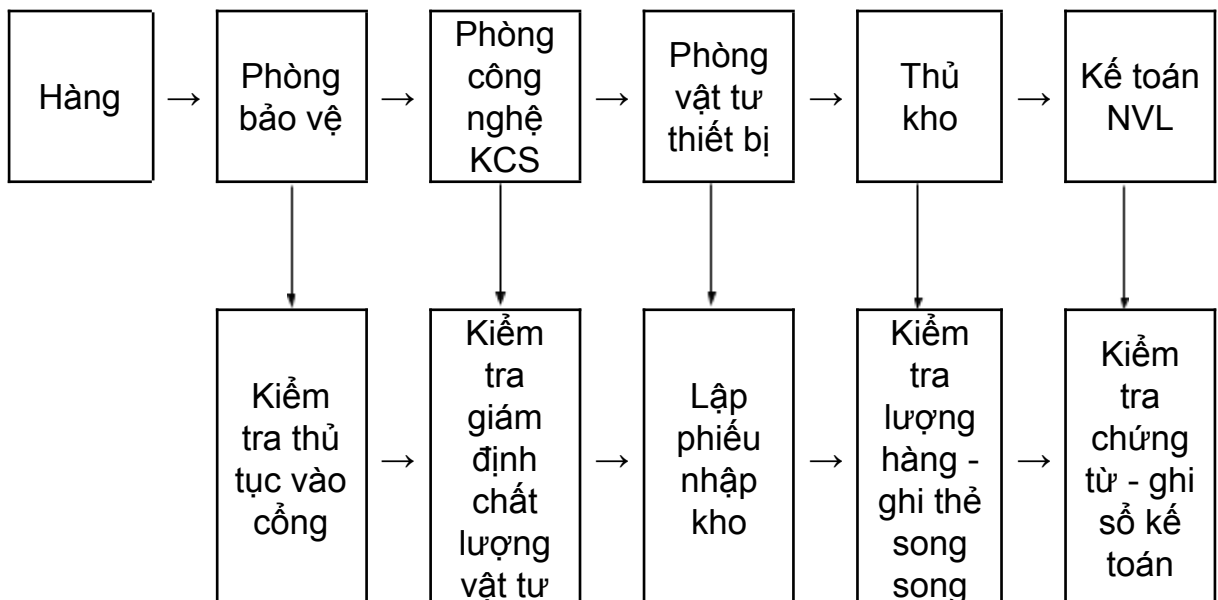
2.2.4. Công tác hạch toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần bê tông và Xây dựng Thái Nguyên

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu là việc hạch toán kết hợp giữa kho và phòng kế toán nhằm mục đích theo dõi chặt chẽ tình hình nhập, xuất, tồn kho từng loại, từng thứ vật liệu cả về số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

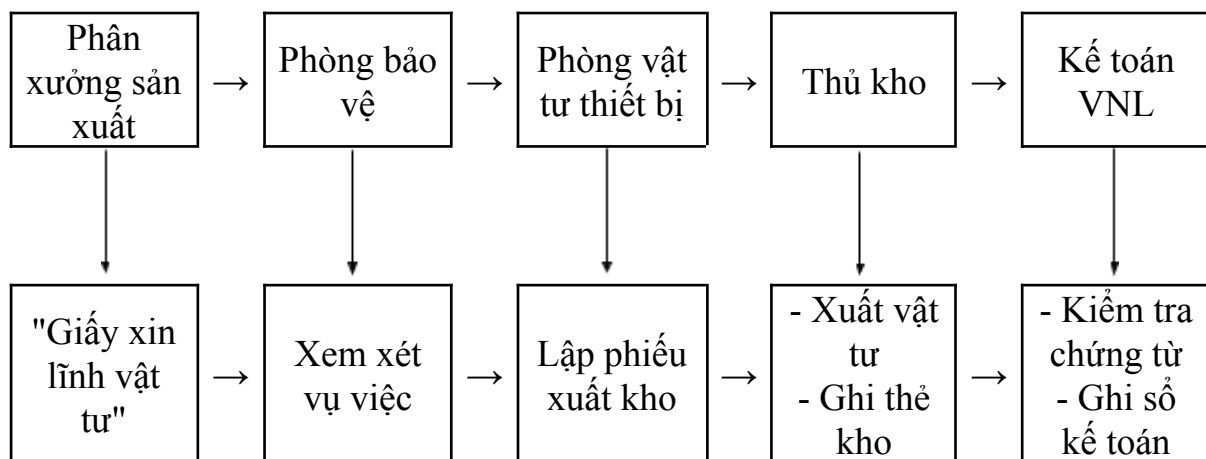
Kế toán chi tiết tại Công ty áp dụng theo phương pháp sổ sổ dư. Trên cơ sở thủ tục nhập, xuất. Sau đó lập bảng kê chứng từ nhập, xuất và sổ sổ dư.

Sơ đồ luân chuyển chứng từ trong hạch toán nguyên vật liệu

- Đối với nghiệp vụ nhập nguyên vật liệu:



- Đối với nghiệp vụ xuất nguyên vật liệu:



2.2.4.1. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu

Chế độ kế toán quy định tất cả các loại vật liệu khi về đến Công ty đều phải làm thủ tục kiểm nghiệm trước khi nhập kho. Khi bộ phận vật tư mua vật tư về, người đi nhận hàng giao "hoá đơn đỏ" (biểu số 1) của bên bán vật tư cho phòng bảo vệ xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hoá đơn. Nếu nội dung ghi trên hoá đơn phù hợp với hợp đồng đã ký kết thì hoá đơn này sẽ được chuyển đến phòng KCS để kiểm tra chất lượng, quy cách vật tư thông qua "Biên bản giám định vật tư" (biểu số 2) do phòng KCS lập. Nếu vật tư đảm bảo yêu cầu về chủng loại, chất lượng thì chuyển toàn bộ chứng từ kế toán đến phòng kế hoạch vật tư để làm thủ tục nhập kho.

Phiếu nhập kho (biểu số 3) do phòng kế hoạch vật tư lập thành 3 liên:

- + Liên 1: Lưu tại phòng kế hoạch vật tư.
- + Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho sau đó chuyển lên phòng kế toán.
- + Liên 3: Giao cho cán bộ cung tiêu kèm theo hoá đơn đi thanh toán trước khi nhập kho, thủ kho xem xét cụ thể số vật liệu có đúng với thực tế như đã ghi ở phiếu nhập kho không? Sau đó ký vào phiếu nhập, căn cứ vào số liệu ghi trên phiếu nhập kho để ghi vào thẻ kho. Thủ kho có trách nhiệm sắp xếp các loại vật liệu trong kho một cách khoa học, hợp lý đảm bảo yêu cầu quản lý của từng loại, từng thứ vật liệu, tiện cho việc kiểm tra và việc nhập, xuất nguyên vật liệu.

Để theo dõi thuế giá trị gia tăng đầu vào công ty lập "Biểu theo dõi thuế GTGT đầu vào" (biểu số 4). Hàng tháng kế toán kê vào tờ khai nộp thuế GTGT để gửi cho cục thuế.

Biểu số 01:

**Mẫu số: 01GTKT3LL
02-B
GR011808**

HOÁ ĐƠN GTGT
Liên 2 (Giao cho khách hàng)
Ngày 11 tháng 03 năm 2003

Đơn vị bán hàng: Dịch vụ kim khí Thái Hưng

Địa chỉ: Phường Gia Sàng thành phố Thái Nguyên

Số tài khoản:

Điện thoại:

Mã số: 4600114729

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Thắng

Đơn vị: Công ty Cổ phần Bê tông và xây dựng Thái Nguyên

Địa chỉ: Thành phố Thái Nguyên; Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM + CK; Mã số: 4600215526.

S Ố TT	Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
01	Thép cán φ6	Kg	2066	5.952	12.296.832
	Cộng thành tiền				12.296.832

Thuế suất 5% tiền thuế GTGT: 614.841

Tổng tiền thanh toán: 12.911.673

Số tiền viết bằng chữ: *Mười hai triệu, chín trăm mười một nghìn, sáu trăm bảy mươi ba đồng/.*

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 02:

Đơn vị: Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên
Địa chỉ: Phường Phan Đình Phùng - TP. Thái Nguyên

BIÊN BẢN GIÁM ĐỊNH VẬT TƯ
Ngày 11 tháng 03 năm 2003

- Căn cứ vào hoá đơn số: 011808 ngày 11 tháng 03 năm 2003.

- Ban giám định gồm:

1. Ông: Trưởng ban

2. Ông: Ủy viên

3. Bà: Kế toán

4. Ông: Thủ kho

Đã kiểm nhận các loại:

SỐ T T	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư (sản phẩm hàng hoá)	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo hoá đơn	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Sản lượng đúng quy cách phẩm chất	Sản lượng sai quy cách phẩm chất	
	Thép cán $\phi 6$		Cân	Kg	2066	2066		

Đại diện kỹ thuật
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trưởng ban
(Ký, họ tên)

Biểu số 03:

Đơn vị: Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên

Số: 127

**Địa chỉ: Phường Phan Đình Phùng - TP. Thái Nguyên Nợ: 152;
1331**

Có: 331

PHIẾU NHẬP KHO
Ngày 11 tháng 03 năm 2003

Người giao hàng: Nguyễn Văn Thắng

Diễn giải: Mua thép - DVKK Thái Hưng HD: 011808, ngày 11/3/2003.

Nhập kho tại: Công ty.

SỐ T T	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hoá)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép φ6		Kg	2.066	2.066	5.952	12.296.832
	Cộng						12.296.832

Thuế GTGT (5%): 614.841

Tổng tiền thanh toán: 12.911.673

Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu, chín trăm mười một nghìn, sáu trăm bảy mươi ba đồng/.

Nhập ngày 11 tháng 03 năm 2003

Phụ trách cung tiêu **Người giao hàng** **Thủ kho**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng **Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu số 04 (trích):

BIỂU THEO DÕI THUẾ GTGT ĐẦU VÀO
(Dùng cho cơ sở kê khai khấu trừ thuế hàng tháng)
Tháng 03 năm 2003

Tên cơ sở kinh doanh: CTCP Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên

Địa chỉ: Số 48, đường Bắc Nam - phường Phan Đình Phùng - TP. Thái Nguyên

S Ố T T	Hoá đơn chứng từ		Tên người bán	Doanh số chưa có thuế GTGT (đồng)	Tên hàng	Mức thuế suất (%)	Số thuế GTGT (đồng)
	SH	Ngày					
1	047020	05/03/20 03	CTTNHH Cán thép Nam Phong	94.556.07 6	Thép p φ6	5	4.727.803
2	011808	11/03/20 03	DVKK Thái Hưng	12.296.83 2	Thép p φ6	5	614.841
3	041484	18/03/20 03	DVKK Thái Hưng	14.265.77 5	Thép trơn	5	713.289
4	010561	27/03/20 03	DN Hải Hậu	11.497.30 0	Sỏi	5	574.865
5	033512	28/03/20 03	Lại Đức Tôn	1.100.000	Vòng g bi	5	55.000
			Tổng cộng	133.706.9 83			6.685.798

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Trưởng phòng kế toán
(Ký, họ tên)

2.2.4.2. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu

Căn cứ vào thực tế thu mua và nhập khi nguyên vật liệu, căn cứ vào kế hoạch sản xuất của các tổ, đội trong từng tháng, quý, công ty có kế hoạch mua sắm và dự trữ nguyên vật liệu.

Khi có nhu cầu sản xuất một loại sản phẩm nào đó thì các đội sản xuất phải viết "giấy xin được cấp vật tư" có ký duyệt của cán bộ phụ trách xuất về từng loại vật liệu có quy cách, sản lượng theo yêu cầu của từng loại sản phẩm. Phó giám đốc phụ trách sản xuất xem xét tính hợp lý của các chứng từ về nghiệp vụ xuất nguyên vật liệu, tính hợp pháp của yêu cầu và sau đó thì ký lệnh xuất. Phòng kế hoạch vật tư căn cứ lệnh xuất viết "phiếu xuất kho" (biểu số 5). Phiếu xuất kho được viết một lần 3 liên cho các bộ phận. PHÒNG kế hoạch vật tư, thủ kho và người lĩnh vật tư lưu giữ.

Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên

PHIẾU XUẤT KHO Ngày 28 tháng 03 năm 2003

Số: 296
Nợ: 6211
Có: 152

Họ tên người nhận hàng: Lê Văn Biên. Địa chỉ: Tổ cơ khí

Lý do xuất kho: LSX 45: G/c xưởng tròn SX cột tròn

Xuất tại kho: Công ty

SỐ T T	Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	01.01	Thép 1	Kg	422	7.047	2.974.248
2	01.05	Thép 5	Kg	4.645	5.468	25.402.019
3	01.08	Thép 8	Kg	1.349	5.388	7.268.452
4	01.10V	Thép 10 vằn	Kg	4.86	5.239	25.546.290

5	01.12V D	Thép 12 vằn 11.7M	Kg	748	5.079	3.799.227
6	01.14V D	Thép 14 vằn 11.7M	Kg	2.553	5.100	13.020.581
7	01.16V D	Thép 16 vằn 11.7M	Kg	35.49 0	5.069	179.933.590
8	01.EC 16	Ecu - tiếp địa M16	Cái	546	1.300	709.800
9	01.QH 4	Que hàn 4	Kg	390	7.143	2.785.778
10	01.MB T	Mặt bích to 465x16	Cái	50	360.00 0	18.000.000
11	01.MB N	Mặt bích nhỏ 410x14	Cái	7	250.47 1	1.753.301
12	01.BL N	Bulông MB nhỏ 18x80	Bộ	35	2.716	95.061
13	01.KC	Khuyên cột	Cái	9.068	100	906.800
		Cộng				282.195.147

Xuất ngày 28 tháng 03 năm 2003

Thủ trưởng Kế toán trưởng Người lập phiếu Phụ trách cung tiêu Người nhận Thủ kho

2.2.4.3. Kế toán chi tiết tại công ty

Kế toán chi tiết vật liệu tại công ty áp dụng theo phương pháp sổ chi tiết vật tư.

- Tại kho: Thủ kho mở thẻ kho (biểu số 6) để tiến hành ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, phản ánh tình hình nhập xuất, tồn kho của từng vật liệu về mặt số lượng, mỗi thứ vật liệu được theo dõi trên một thẻ kho, thủ kho sắp xếp thẻ kho theo từng loại, nhóm, thứ vật liệu để tiện cho việc ghi chép, kiểm tra, đối chiếu và quản lý. Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ nhập - xuất, thủ kho ghi vào thẻ kho của mỗi ngày cộng số tiền tồn ghi trên thẻ kho. Mỗi thẻ kho có thể mở trên một tờ, căn cứ vào số lượng các nghiệp vụ ghi chép trên thẻ kho đó, sau khi ghi thẻ kho xong tập hợp các chứng từ nhập - xuất. Định kỳ từ 5-8 ngày kế toán vật liệu xuống từng kho lấy chứng từ về làm căn cứ để ghi sổ.

- Tại phòng kế toán: Định kỳ kế toán vật liệu xuống kho hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép thẻ kho của thủ kho. Kế toán vật liệu kiểm tra lại tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ. Sau khi kiểm tra, đối chiếu số liệu trên chứng từ và số liệu trên thẻ kho, nếu thấy phù hợp thì kế toán ký nhận vào thẻ kho và thu thập chứng từ. Căn cứ vào các chứng từ để lập sổ chi tiết vật tư, bảng cân đối vật tư.

- Quá trình ghi chép trên các sổ này được thực hiện như sau:

+ Sổ chi tiết vật tư được kế toán lập nên để phản ánh sự biến động của từng thứ nguyên vật liệu theo chỉ tiêu số lượng và giá trị. Sổ này được mở theo từng kho, theo từng thứ vật liệu (biểu 7).

Đối với cột đơn giá của sổ chi tiết vật tư được xác định theo đơn giá bình quân gia quyền. Số liệu các sổ chi tiết này được sử dụng để ghi vào bảng cân đối vật tư.

+ Bảng cân đối vật tư (biểu 8) là bảng do kế toán vật liệu lập nên để theo dõi tình hình nguyên vật liệu của công ty cả về số lượng và giá trị. Theo dõi số vật tư tồn đầu kỳ, số lượng nhập - xuất vật tư trong kỳ và số lượng còn tồn lại cuối kỳ. Số liệu của bảng cân đối vật tư được lấy ở các sổ chi tiết vật tư. Số liệu này dùng để đối chiếu và kiểm tra sổ cái vào cuối kỳ.

Biểu số 06 (trích):

THẺ KHO

Ngày lập thẻ 01/03/2003

Tờ số:.....

Kho vật tư: Nguyên vật liệu

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Thép 16 vằn 11.7M

Đơn vị tính: kg

Ngày nhập xuất	Chứng từ			Diễn giải	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Số phiếu		Ngày tháng		Nhập	xuất	Tồn	
	Nhập p	Xu ất						
				Số từ đầu kỳ chuyển sang			18.468	
15/0 3	06		15/0 3	Nhập thép 16 vằn 11.7M	63.936		64.399	
19/0 3	08		19/0 3	Nhập thép 16 vằn 11.7M	46.467		64.493	
17/0 3		05	17/0 3	Nhập thép 16 vằn 11.7M		81.941		
					110.403	81.941	147.300	

Biểu số 07 (trích):

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ
Từ ngày 01/03/2003 đến ngày 31/03/2003
Mặt hàng: Thép φ1

Kho vật tư:

Số dư đầu kỳ: 202,77 (kg)

Giá trị: 2.433.828

Trang:.....

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Nhập		Xuất	
Số	Ngày			Số lượng (kg)	Tiền (đ)	Số lượng (kg)	Tiền (đ)
03	05/01	SX cột vuông-LSX03: xương vuông	6211			70	483.000
34	31/01	Mua vật tư-Nguyễn Quốc Toàn	331	2.400	14.880.00		
400	12/03	SX cột tròn-LSX64: xương tròn	6211			510	3.893.529
94	25/03	Mua vật tư-Nguyễn Quốc Toàn	311	750	6.000.000		
		Cộng		5.400	38.385.500	4.662	33.332.095

Số dư cuối kỳ: 940,77 (kg)

Giá trị: 7.486.733

Biểu số 08 (trích)

BẢNG CÂN ĐỐI VẬT TƯ
Từ ngày 01/03/2003 đến ngày 31/03/2003

ĐVT: đồng

Mã VT	Tên vật tư	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
01.01	Thép 1	Kg	311,77	2.197.350	1.850	14.800.000	1.221	9.510.617	940,77	7.486.733
01.16V D	Thép 6 vằn 11.7M	Kg	18.468,8	93.636.384	63.936	353.169.408	81.941	444.259.07	463,8	2.546.715
01.CB T	Cát bê tông	M ³	837,3	33.518.764	468	18.720.000	259,3	10.378.630	1.046	41.860.134
01.D1x 2	Đá 1x2	M ³			318	21.200.106	119,7	7.979.920	198,3	13.220.186
01.DT	Dầu thải	Kg	3.461,7	6.577.231	250	475.000	1.988	3.777.200	1.723,7	3.275.051
06.TD	Thép dẹt 40x4	Kg	3.929,5	17.215.139	3.080	13.493.480	3.871,5	16.961.042	3.138	13.747.57
D6UM	U mạ 20 x 650	Bộ	105	3.675.351	200	7.600.000	161	5.878.242	144	5.397.109
.....										

				1.085.331.		5.326.812.		5.534.016.		878.127.6
				802		456		636		22

2.2.5. Hạch toán tổng hợp vật liệu tại Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên

2.2.5.1. Hạch toán tổng hợp nhập vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu mà công ty sử dụng vào sản xuất sản phẩm là chủ yếu mua từ bên ngoài. Khi công ty có nhu cầu mua vật tư, nếu mua của khách hàng có quan hệ mua bán thường xuyên thì công ty cũng có thể trả tiền trước hoặc dựa vào giá ghi trong hoá đơn do đơn vị bán gửi cùng với hàng nhập kho để thanh toán. Công ty đã sử dụng các hình thức thanh toán với người bán như sau:

- 1- Mua chịu trả tiền chậm cho bên bán.
- 2- Dùng tiền mặt hoặc tiền tạm ứng trực tiếp mua vật liệu.

Ngoài ra công ty còn sử dụng một số hình thức thanh toán khác nhau như: vay ngắn hạn để trả nợ, trao đổi hàng với hàng... Tùy theo từng trường hợp mà công ty có những mẫu sổ sách riêng phù hợp. Sau đây là cách hạch toán các trường hợp thanh toán phổ biến mà công ty sử dụng:

* Trường hợp 1: Mua chịu trả tiền chậm cho người bán.

Hình thức này được công ty sử dụng phổ biến² công tác thanh toán đối với khách hàng có quan hệ mua bán thường xuyên và có độ tin cậy lớn hoặc trường hợp có hợp đồng mua bán chặt chẽ. Căn cứ vào hoá đơn giá trị gia tăng, phiếu nhập kho, kế toán ghi:

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 133: Thuế giá trị gia tăng

Có TK: Phải trả cho người bán

Bút toán này được theo dõi trên "Sổ chi tiết thanh toán với người bán" và "Sổ nhật ký chung". Căn cứ để ghi sổ cái là "Sổ nhật ký chung".

- Sổ chi tiết thanh toán với người bán được mở hàng tháng, chi tiết cho từng người bán tùy theo người bán có quan hệ mua - bán thường xuyên với công ty. Căn cứ ghi sổ là các phiếu nhập kho, hoá đơn giá trị gia tăng, các chứng từ thanh toán như phiếu chi.

- Sổ nhật ký chung là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh theo trình tự thời gian. Bên cạnh đó thực hiện việc phản ánh theo quan hệ đối ứng tài khoản (định khoản kế toán) để phục vụ việc ghi sổ cái.

Sau đây là mẫu sổ chi tiết thanh toán với những bán (biểu số 9) và sổ nhật ký chung (biểu số 10).

Biểu số 09 (trích):

Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Đối tượng: Dịch vụ kim khí Thái Hưng

Từ ngày 01/3/2003 đến 31/3/2003

Loại tiền: VNĐ

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư cuối kỳ			2.583.598.346
04/3/2003		TT trả tiền mua thép + xi măng	3111	1.102.663.912	
08/3/2003	77	Nguyễn Văn Thắng mua thép - DV KK Thai Hưng HĐ số 050153	152		177.005.040
28/3/2003		Nguyễn Văn Thắng mua thép	152		343.004.166

		- DV KK Thái Hưng HĐ số 051390			
28/3/20 03		TT tiền thép - DVKK Thái Hưng	311 1	801.937.06 1	
		Cộng phát sinh:		1.904.600. 973	992.235.22 5
					1.671.232. 598

Người lập biểu

Người thanh toán

Ngày.... tháng..... năm 2003
Kế toán trưởng

Biểu số 10 (trích):

Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 01/3/2003 đến ngày 31/3/2003

Đơn vị tính: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số	Ngày				Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				
04/3	022114	04/3	Thu tiền bán cột - CN điện	X	1111		
				X	1311		
04/3	050807	04/3	Nguyễn Văn Thắng mua thép - DVKK Thái Hưng	X	152		
				X	1331		
				X	331		
17/3	034640	17/3	Rút tiền vay NHDT về quỹ	X	1111		
				X	3111D T		
28/3	051245	28/3	Vay ngắn hạn để thanh toán tiền mua thép - DVKK Thái Hưng	X	331LS		
				X	3111D T		
.....							
..							
			Cộng chuyển trang sau				

Người ghi sổ
đơn vị

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

* Trường hợp 2: Dùng tiền mặt, tiền tạm ứng để mua vật tư.

Hình thức này công ty thường sử dụng để thanh toán với các đối tượng mua - bán vật tư không thường xuyên hoặc theo yêu cầu của bên bán.

Đối với trường hợp này, căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, phiếu chi tiền mặt, kế toán ghi:

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu.

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111: Tiền mặt

Bút toán này được phản ánh trên "Sổ nhật ký chi tiền". Sổ này ghi Có tài khoản tiền và ghi Nợ các tài khoản khác.

Sau đây là nội dung một nghiệp vụ thanh toán hàng mua bằng tiền mặt.

Ngày 26 tháng 3 năm 2003 công ty đã mua doanh nghiệp Hải Hậu (giao hàng tại công ty), công ty đã thanh toán toàn bộ số cát này bằng tiền mặt, kế toán căn cứ vào phiếu chi (biểu số 11) và sổ nhật ký chi tiền (biểu 12).

Biểu số 11 (trích):

Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên

PHIẾU CHI
Ngày 26 tháng 3 năm 2003

Quyền số:
SỐ: 1866
Nợ TK 152
Nợ TK 133
Có TK 111

Họ tên người nhận tiền: Doanh nghiệp Hải Hậu

Địa chỉ:

Lý do chi: Mua vật tư.

Số tiền: 21.084.300 đồng

(Viết bằng chữ): *Hai mươi một triệu, không trăm tám mươi tư ngàn, ba trăm đồng./.*

Kèm theo 01 chứng từ gốc.

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): *Hai mươi một triệu, không trăm tám mươi tư ngàn, ba trăm đồng./.*

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm 2003
Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Biểu số 08 (trích):

Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN

Tháng 3 năm 2003

Ghi Có TK - Tiền mặt

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 111	Ghi Nợ các tài khoản					
	Số hiệ u	Ngày tháng g			112	121	152	153	TK khác	
									Số tiền	Số hiệu
01/3			Số trang trước chuyển sang	116.789.500					116.789.500	331
26/3	1866	26/3	Mua vật tư của DN Hải Hậu	21.084.300			18.975.870		21.084.300	133
27/3	107	27/3	Tạm ứng chi phí TT tiền hàng	3.000.000					3.000.000	141

30/3	975	30/3	TT-TK mua hàng trả tiền đúng hạn	2.984.000					2.984.000	635
			Cộng	143.857.7 00			18.975.8 70		124.881.9 30	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

2.2.5.2. Hạch toán tổng hợp xuất vật liệu

Trong một doanh nghiệp sản xuất, việc thu mua nguyên vật liệu và sử dụng nó trong quá trình tạo thành sản phẩm luôn diễn ra đồng thời với nhau. Do vậy vấn đề quản lý vật liệu không những ở các khâu thu mua, bảo quản, dự trữ, mà còn đồng thời ở khâu xuất dùng và sử dụng như thế nào cho hợp lý và có hiệu quả. Khâu xuất vật liệu là khâu cuối quan trọng trước khi vật liệu chuyển hết giá trị của nó vào thành sản phẩm. Do đó kế toán vật liệu cần phải nắm bắt và theo dõi sự luân chuyển vật liệu xuất dùng nhằm phản ánh chính xác chi phí nguyên vật liệu đối với từng đối tượng cụ thể. Công việc này giúp cho kế toán xác định được giá thành sản phẩm một cách dễ dàng và chính xác.

Để phản ánh kịp thời, tính toán phân bổ chính xác đúng đối tượng giá trị vật liệu thực tế xuất dùng, kế toán tổng hợp xuất vật liệu căn cứ vào các chứng từ xuất kho vật liệu, cuối tháng phân loại từng nhóm, từng loại nguyên vật liệu xuất dùng, hay tập hợp theo đúng đối tượng sử dụng. Từ đó xác định giá trị nguyên vật liệu xuất dùng.

Ở Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên, kế toán của công ty tiến hành lập bảng phân bổ nguyên vật liệu cho từng đối tượng sử dụng, nhằm theo dõi số nguyên vật liệu xuất dùng là bao nhiêu, sử dụng vào công việc gì và bộ phận nào sử dụng.

Sau đây là bảng phân bổ nguyên vật liệu (biểu số 13).

Biểu số 13 (trích):

Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên

BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN VẬT LIỆU - CÔNG CỤ, DỤNG CỤ

Từ ngày 01/3/2003 đến ngày 31/3/2003

Đơn vị tính: Đồng

Đối tượng sử dụng	TK 152	TK 153
TK 621 - Chi phí NL, VL trực tiếp	4.612.935.646	960.000
- Mạ xà	337.909	
- G/c CK xướng	59.452.951	220.000
- Sx cột tròn	2.693.934.428	
.....		
TK 627 - Chi phí sản xuất chung	51.344.568	20.373.496
- Sửa chữa thường xuyên	12.378.300	9.624.117
- Cầu dọn bãi	8.999.312	
- Chi phí chung khác	7.809.951	1.617.500
.....		
TK 641 - Chi phí bán hàng	2.003.211	
TK 642 - Cơ1 quản lý doanh nghiệp	17.867.421	
TK 142 - Chi phí trả trước	24.246.490	43.341.877
TK 335 - Chi phí phải trả	55.810.919	
TK 632 - Giá vốn bán vật tư	21.476.000	
TK 136 - Xuất vật tư cho các đội	452.839.824	202.479.563
- 1368 DNV	10.312.830	76.719.448
- 1368 THN	37.892.317	8.280.699
.....		
Tổng cộng	5.238.524.079	267.154.936

Người lập biểu

Ngày tháng năm 200

Kế toán trưởng

Biểu số (trích):

Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên

TỔNG HỢP TÀI KHOẢN 152
Từ ngày 01/3/2003 đến ngày 31/3/2003

Đơn vị tính: Đồng

Nợ		Có	
Số dư đầu kỳ	652.073.384		
1368	652.073.384	452.839.824	1368
331	3.369.075	1.156.418	1421
6211	5.057.808.110	23.090.072	1422
6214	46.625.400	28.337.621	331
	618.000	55.810.919	335
		4.111.756.940	6211
		82.301.009	6213
		418.877.697	6214
		29.315.952	6271
		22.028.616	6273
		21.476.000	632
		786.070	6412
		1.217.141	6418
		17.867.421	6422
Cộng phát sinh	5.108.420.585	5.266.861	700
Số dư cuối kỳ	493.632.269		

Trên đây là toàn bộ quá trình hạch toán vật liệu cơ bản tại công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên. Ngoài ra kế toán còn hạch toán tổng hợp các nghiệp vụ nhập, xuất kho khác như: Kế toán vật liệu kém phẩm chất, sai quy cách, thừa thiếu trong khâu thu mua, kiểm kê...

Trong các trường hợp này, tùy theo mỗi trường hợp mà công ty có quyết định xử lý khác nhau, kế toán tiến hành định khoản và ghi sổ đúng theo quy định.

Phần thứ III

NHỮNG KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU Ở CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN

3.1. NHẬN XÉT VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY

Trải qua những năm chuyển đổi nền kinh tế thị trường, Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên đã trở thành đơn vị hoạt động có hoạt động, bắt kịp với nhịp độ phát triển chung của đất nước. Có được kết quả đó là do Công ty đã nhanh chóng nắm bắt được tình hình để sắp xếp lại bộ máy quản lý gọn nhẹ, lựa chọn đội ngũ cán bộ có tinh thần trách nhiệm, trình độ nghiệp vụ vững vàng, phù hợp với yêu cầu của cơ chế mới, sự phát triển vượt bậc này được đánh dấu vào những năm gần đây đặc biệt là từ khi công ty được cổ phần hoá các nguồn vốn kinh doanh. Sự thành công này của công ty một phần là do đóng góp của các cán bộ kế toán, họ đã cung cấp những thông tin cần thiết, kịp thời, đề ra những quyết định đúng đắn, lựa chọn những phương án tốt nhất để có thể đem lại những lợi ích thiết thực cho công ty. Cùng với sự phát triển của công ty thì bộ máy kế toán cũng không ngừng được kiện toàn và tổ chức lại hợp lý, tính chuyên môn hoá trong công việc cao, đặc biệt là công ty đã áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính với độ chính xác lớn. Hơn nữa công ty luôn chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ kế toán nhằm nắm bắt được những thông tin mới trong nước và các thông lệ kế toán quốc tế. Kế toán vật liệu lập tương đối đầy

đủ các sổ sách kế toán để phản ánh các nghiệp vụ xuất, nhập kho vật liệu. Nhìn chung công tác kế toán nguyên vật liệu được tiến hành với điều kiện cụ thể của công ty, đảm bảo tuân theo chế độ kế toán hiện hành, đồng thời đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý, tạo điều kiện để quản lý chặt chẽ tình hình nhập, xuất, tồn kho vật liệu, tính toán phân bổ chính xác giá trị vật liệu dùng cho từng đối tượng, cung cấp số liệu cho công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm một cách kịp thời và chính xác.

Tuy nhiên trong công tác kế toán vật liệu còn có những hạn chế nhất định cần phải được hoàn thiện hơn để phù hợp với yêu cầu quản lý ngày càng cao. Việc ghi chép, kiểm tra và đối chiếu số liệu thường diễn ra vào cuối tháng, cuối kỳ nên công việc dồn vào một thời điểm do vậy khó tránh khỏi những sai sót thông thường.

3.2. MỘT SỐ Ý KIẾN BỔ XUNG

3.2.1. Kiến nghị 1

Do đặc thù sản xuất kinh doanh với khối lượng nguyên vật liệu đầu vào lớn nhiều chủng loại. Vì vậy nhằm giúp cho việc quản lý và hạch toán vật liệu được chính xác, đầy đủ và có hệ thống hơn nữa thì việc phân loại vật liệu phải hết sức khoa học. Sổ danh điểm vật liệu sẽ đáp ứng được yêu cầu này. Sổ danh điểm vật liệu được xây dựng trên cơ sở phân loại vật liệu, mỗi thứ vật liệu mang một ký hiệu riêng để thay thế tên gọi. Các tiểu tài khoản của TK 152 và các chữ số đơn vị theo thứ tự sẽ được dùng để mã hoá vật liệu theo từng nhóm từng thứ. Điều này sẽ làm đơn giản hoá công việc quản lý vật liệu nói riêng và các hàng hoá khác nói chung, đặc biệt là thuận lợi cho việc quản lý trên máy tính. Nó làm giảm bớt việc ghi chép của kế toán, xử lý vật liệu nhanh chóng, việc kiểm tra đối chiếu giữa kho và phòng kinh tế được dễ dàng.

Ta có thể lập sổ danh điểm vật liệu như sau:

SỔ DANH ĐIỂM VẬT LIỆU

Ký hiệu		Tên, nhãn hiệu, quy cách vật liệu	ĐVT	Đơn giá	Ghi chú
Loại vật liệu	Số danh điểm				
1521		Nguyên VL chính			
	01				
	02				
					
1522		Nguyên VL phụ			
	01				
	02				
					
1523		Nhiên liệu			
	01				
	02				
					
1524		Phụ tùng thay thế			
	01				
	02				
					

3.2.2. Kiến nghị 2

Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thái Nguyên có tần suất nhập - xuất vật liệu nhiều do vậy sử dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá xuất vật liệu là chưa hợp lý. Vì theo phương pháp này thì công việc bị dồn về cuối tháng, cuối kỳ, phải tới lúc đó thì mới có thể hạch toán được giá xuất vật liệu trong kỳ là bao nhiêu. Do đó theo em nên chọn phương pháp "Hệ số giá".

Theo phương pháp này thì vật liệu xuất được ghi theo giá hạch toán, cuối kỳ dựa vào hệ số để tính giá thực tế vật liệu xuất trong kỳ và tồn cuối kỳ.

$$\begin{aligned} \text{Giá thực tế của vật liệu trong kỳ} &= \frac{\text{Giá hạch toán của vật liệu xuất trong kỳ}}{\text{Giá thực tế của vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế của vật liệu nhập trong kỳ}} \times \text{Hệ số giá vật liệu} \\ \text{Hệ số giá vật liệu} &= \frac{\text{Giá hạch toán của vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Giá hạch toán của vật liệu nhập trong kỳ}}{\text{Giá thực tế của vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế của vật liệu nhập trong kỳ}} \end{aligned}$$

Hệ số giá vật liệu được tính theo từng nhóm vật liệu theo yêu cầu quản lý, trên thực tế việc hạch toán vật liệu theo giá thực tế là rất khó khăn. Do vậy kế toán cần sử dụng giá hạch toán. Giá hạch toán tương đối ổn định, có thể là giá hạch toán do đơn vị quy định hoặc giá ổn định trong kỳ hạch toán. Khi sử dụng giá hạch toán thì tất cả các sổ sách, chứng từ đều phải ghi theo giá hạch toán. cuối kỳ khi xác định được hệ số giá vật liệu sẽ điều chỉnh giá vật liệu từ giá hạch toán sang giá thực tế.

Như vậy, ta có thể khẳng định rằng kế toán nguyên vật liệu có vai trò quan trọng trong việc quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua công tác kế toán vật liệu giúp cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh bảo quản vật liệu được an toàn, phòng ngừa được các hiện tượng lãng phí, mất mát, thiếu hụt... đồng thời góp phần nâng cao sử dụng có hiệu quả nguyên vật liệu, điều chỉnh hợp lý chi phí sản xuất tạo nên sản phẩm nhằm tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty, kết hợp giữa nghiên cứu và thực tế em đã nhận thấy công tác hạch toán nguyên vật liệu có ảnh hưởng rất lớn đến công tác quản lý vật liệu. Hạch toán vật liệu là công cụ đắc lực giúp lãnh đạo công ty nắm bắt tình hình và chỉ đạo sản xuất. Hạch toán vật liệu có phản ánh

chính xác, đầy đủ, kịp thời tình hình thu mua, sử dụng và dự trữ vật liệu thì lãnh đạo công ty mới đưa ra các quyết định đúng đắn. Do vậy công tác kế toán nói chung, công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng phải không ngừng được hoàn thiện.

SINH VIÊN THỰC HIỆN